



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 7/2024



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 6/2024 & 6 tháng đầu năm 2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới	9
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	10
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 6/2024 & 6 tháng đầu năm 2024	10
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	10
1.1.1. Tăng trưởng GDP	10
1.1.2. Sản xuất công nghiệp	11
1.1.3. Xuất nhập khẩu	12
1.1.4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	14
1.1.5. Hoạt động đầu tư	14
1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng	17
1.1.7. Lạm phát	18
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	18
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	18
1.2.2. Lãi suất	20
1.2.3. Tỷ giá	21
1.2.4. Chỉ số giá vàng	21
1.2.5. Chứng khoán	23
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	24
2.1. Về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động ngành dầu khí	24
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	24
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	27
1. Thị trường dầu thô	27
2. Thị trường khí	33
3. Thị trường phân bón	36
4. Thị trường điện	38
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	41
Phụ lục 1: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 6 năm 2024	42



PHẦN I

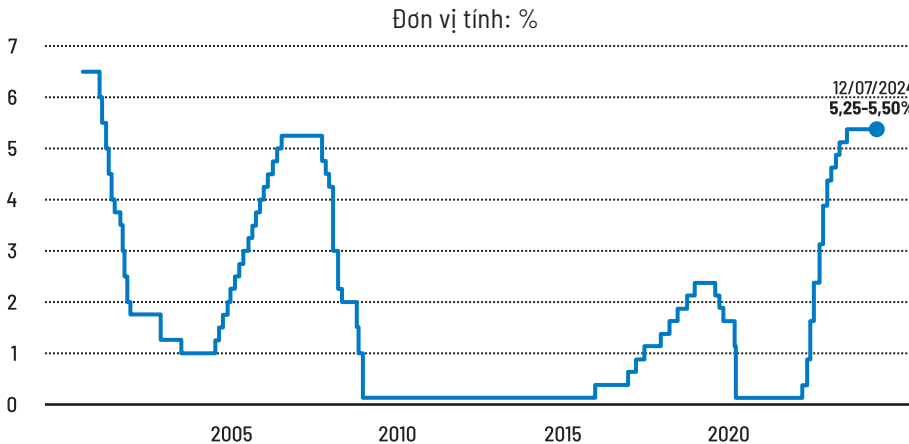
KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 6/2024 & 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1.1. Tổng quan chung

Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, lạm phát toàn cầu tuy giảm nhưng vẫn ở trên mức mục tiêu ở hầu hết các nền kinh tế. Trước tình hình này, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn duy trì cách tiếp cận kiên nhẫn trong việc cắt giảm lãi suất, trong khi các ngân hàng trung ương khác có xu hướng nói lỏng hơn. Ngày 12/6, Fed đã quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức hiện tại 5,25% - 5,50%, đồng thời hạ dự báo cắt giảm lãi suất xuống một lần duy nhất trong năm nay thay vì 3 lần như dự báo hồi tháng 3/2024.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM



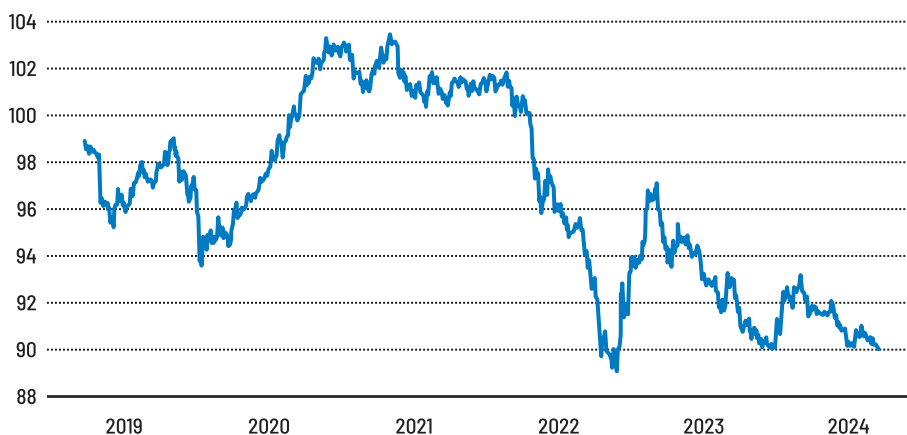
Nguồn: Fed

Trong khi đó, ở chiều ngược lại, một loạt các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn như Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), Ngân hàng Trung ương Canada (BoC), Ngân hàng trung ương Thụy Sĩ (SNB) và Ngân hàng Trung ương Séc (ČNB)... đều đã cắt giảm lãi suất cơ bản trong tháng 6, đây là động thái quan trọng báo hiệu *xu hướng nói lỏng chính sách tiền tệ đã bắt đầu lan rộng trên toàn cầu.*

Đáng chú ý, việc giá trị *đồng đô la Mỹ (USD) tăng cao kỷ lục* tiếp tục gây áp lực lên các ngân hàng trung ương trên toàn cầu, đặc biệt là các ngân hàng trung ương châu Á trong việc tăng cường bảo vệ đồng nội tệ. Chỉ số đo lường sức mạnh các đồng tiền châu Á - Asia Dollar Index trong tháng qua đã tụt xuống mức thấp nhất trong gần hai năm sau khi đồng USD mạnh lên do khả năng lãi suất tại Mỹ có thể duy trì ở mức cao hơn, trong thời gian dài hơn.

CHỈ SỐ ASIA DOLLAR INDEX THẤP NHẤT KỂ TỪ CUỐI NĂM 2022

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg

Bên cạnh những thách thức về tỷ giá, biến động khó lường của giá vàng, tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng đang phải chịu sức ép từ biến động chính trị và căng thẳng thương mại gia tăng. Hiện nay, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ và Trung Quốc đã làm gia tăng sự bất định trên thị trường, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp, nếu kéo dài có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trên toàn thế giới. Ngoài ra, rủi ro từ các cuộc xung đột cũng có thể kìm hãm tăng trưởng toàn cầu do làm tăng giá dầu và chi phí vận chuyển, tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Kinh tế Mỹ

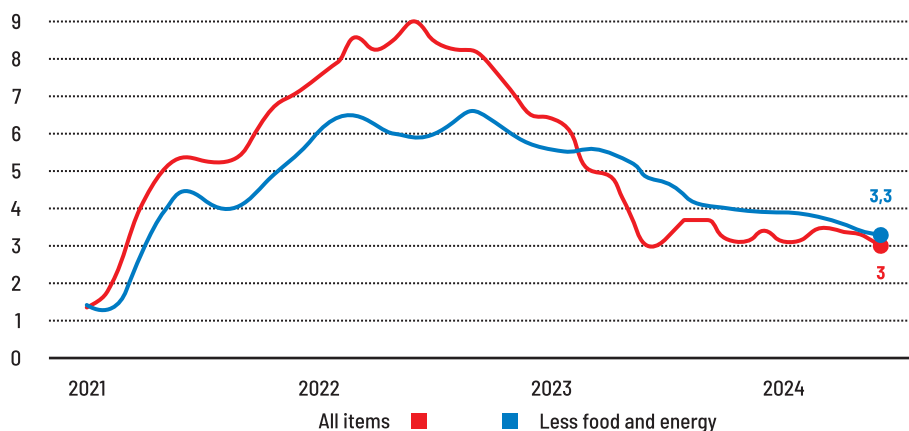
Chỉ số PMI tổng hợp của Hoa Kỳ trong tháng 6/2024 đạt 54,6 điểm, tăng 0,1 điểm so với mức 54,5 trong tháng 5/2024 và đạt mức cao nhất kể từ tháng 4/2022. Trong đó: lĩnh vực dịch vụ cải thiện nhiều nhất, với PMI dịch vụ đạt 55,1 điểm (tăng so với mức 54,8 điểm trong tháng 5/2024). PMI chế biến chế tạo đạt 51,7 điểm (giảm so với mức 53,0 điểm trong tháng 5/2024), nhưng vẫn đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế Hoa Kỳ.

Hoạt động kinh doanh tại Mỹ tiếp tục mở rộng với tốc độ vững chắc trong bối cảnh việc làm phục hồi và áp lực giá giảm đáng kể. Đồng thời, lạm phát cũng đã giảm mạnh, tuy nhiên vẫn cao hơn mục tiêu 2% của Fed. Cụ thể, tỷ lệ lạm phát hàng năm đã giảm tháng thứ ba liên tiếp xuống còn 3% vào tháng 6/2024, giảm 0,3% so với tháng 5/2024 và thấp hơn dự báo là 3,1%. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 6 năm 2023.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG MỸ TỪ NĂM 2021 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: % (Dữ liệu tính đến 11/7/2024)



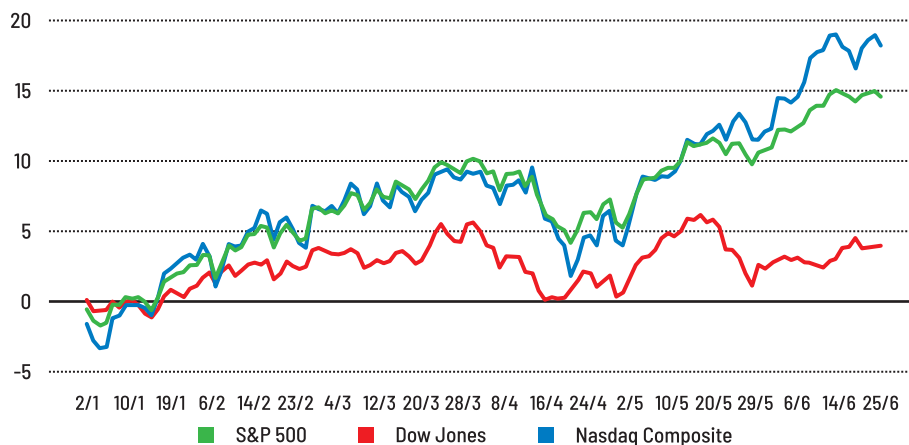
Nguồn: U.S Bureau of Labor Statistics

Nền kinh tế khởi sắc đã tiếp thêm sự lạc quan cho các nhà đầu tư, thúc đẩy dòng vốn mạnh mẽ vào thị trường chứng khoán Mỹ khiến cả ba chỉ số chính của Mỹ đều tăng điểm kỷ lục.

Trong tháng 6, chỉ số Nasdaq Composite tiếp tục dẫn đầu với mức tăng gần 6%, trong khi hai chỉ số S&P 500 và Dow Jones lần lượt tiến thêm 3,5% và 1,1%.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN MỸ TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: %



Nguồn: CNBC

Mặc dù có nhiều tín hiệu tích cực trong tháng qua nhưng nền kinh tế Mỹ vẫn còn đối diện với nhiều thách thức lớn như lãi suất vẫn còn ở mức cao đẩy chi phí vay mượn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp lên cao. Điều này khiến niềm tin người tiêu dùng Mỹ tiếp tục diễn biến kém tích cực. Chỉ số tâm lý người tiêu dùng tại Mỹ đã giảm tháng thứ năm liên tiếp xuống mức 68,2 trong tháng 6/2024, ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 11/2023.

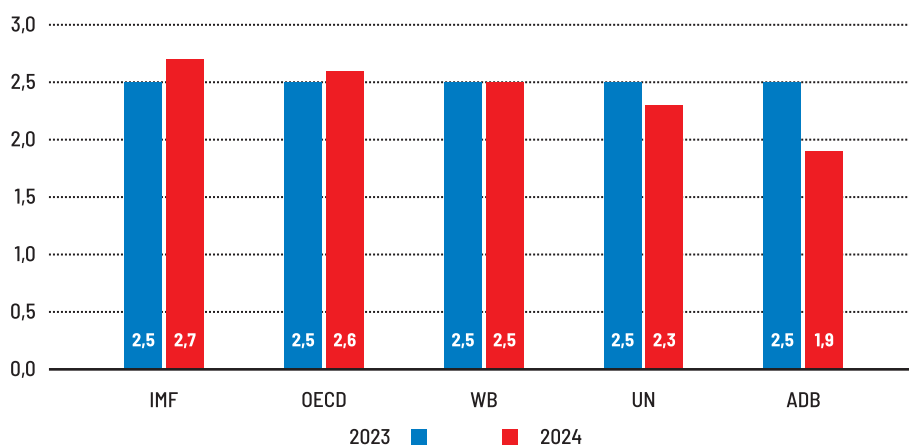
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

Bên cạnh đó, tình trạng thâm hụt ngân sách ngày càng nghiêm trọng của Mỹ vẫn tiếp tục kéo dài. Ngày 18/6, Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ (CBO) cho rằng thâm hụt ngân sách của nước này dự kiến sẽ lên tới 1.900 tỷ USD trong tài khóa 2024, trong bối cảnh chi tiêu của Chính phủ tiếp tục tăng. Thâm hụt ngân sách tích lũy từ năm 2025 đến năm 2034 được dự báo sẽ lên tới 22.100 tỷ USD. Nếu Chính phủ Mỹ buộc phải in tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách thì điều này sẽ khiến cho lạm phát gia tăng, từ đó làm suy yếu đà tăng trưởng kinh tế.

Dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong tương lai, các tổ chức quốc tế UN, WB, OECD và IMF (trừ ADB) đều giữ nguyên hoặc điều chỉnh tăng so với dự báo đưa ra trước đó. So với năm 2023, WB, OECD và IMF dự báo tăng trưởng năm 2024 của Hoa Kỳ cao hơn hoặc bằng với mức 2,5% của năm 2023. Trong khi đó, UN và ADB dự báo tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ năm 2024 giảm so với năm 2023, lần lượt là 2,3% và 1,9%.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ NĂM 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF, WB, OECD, UN, ADB

Cụ thể, theo dự đoán của Ngân hàng Thế giới (WB) được công bố vào ngày 11/6, nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 2,5% trong năm nay phần lớn nhờ hoạt động chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu chính phủ mạnh mẽ, cũng như việc giảm nhập khẩu. Ngoài ra, ngày 12/6, Fed dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2024 và 2025 sẽ lần lượt ở mức 2,1% và 2,0%, không thay đổi so với dự báo trước đó vào tháng 3. Trong khi đó, ngày 27/6, với quan điểm thận trọng hơn, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng chậm hơn một chút so với dự báo trước đó, song vẫn duy trì mức độ mạnh mẽ, năng động và có thể thích ứng với các điều kiện thay đổi trên toàn cầu. IMF dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng ở mức 2,6% trong năm nay, thấp hơn dự báo 2,7% hồi tháng 4 của cơ quan này.

▪ **Kinh tế Trung Quốc**

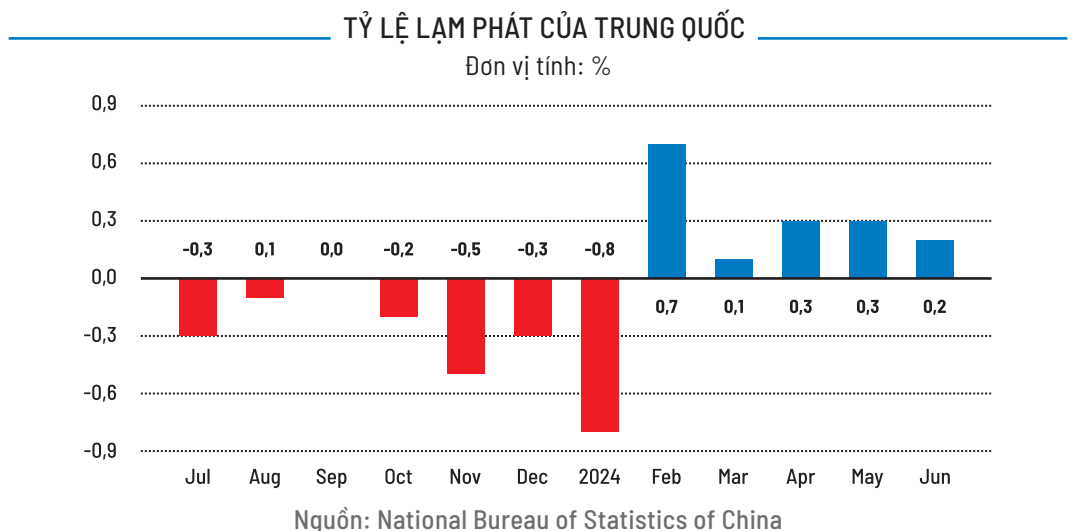
Theo S&P Global, PMI ngành sản xuất tăng lên mức 51,8 điểm trong tháng 6 từ mức 51,7 điểm của tháng 5, ghi nhận tháng tăng thứ 6 liên tiếp của chỉ số.

Trong khi đó, chỉ số PMI Caixin tháng 6 của Tổng cục Thống kê Trung Quốc không thay đổi từ mức 49,5 điểm của tháng 5. Sự trái chiều của chỉ số PMI Caixin và PMI chính thức của S&P Global xuất phát từ sự khác biệt về lĩnh vực mà hai chỉ số này bao trùm. Cụ thể, Caixin tập trung vào các công ty nằm trong các lĩnh vực liên quan nhiều đến xuất khẩu và tiêu dùng. Trong khi đó, chỉ số PMI chính thức nghiêng nhiều hơn về các nhà sản xuất những nguyên vật liệu công nghiệp như xi măng, sắt thép và hóa chất, nên dễ bị ảnh hưởng bởi sự giảm tốc của hoạt động đầu tư tài sản cố định. Sự trái chiều của chỉ số PMI Caixin và PMI chính thức của S&P Global phản ánh thực trạng kinh tế Trung Quốc, với một bên là xuất khẩu và tiêu dùng đang mạnh, nhưng đầu tư suy yếu. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục cải thiện trong tháng 6, với nguồn cung trong nước và cả xuất khẩu đều tiếp tục tăng trưởng.

Đáng chú ý hoạt động ngoại thương phục hồi rõ rệt với xuất khẩu tăng 8,6%, đạt 307,9 tỷ USD; nhập khẩu giảm -2,3%, đạt 208,81 tỷ USD, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn yếu. Do vậy, thặng dư thương mại của Trung Quốc tăng vọt lên 99,05 tỷ USD vào tháng 6/2024, ghi nhận mức thặng dư thương mại lớn nhất kể từ tháng 7 năm 2022, khi xuất khẩu tăng vọt trong khi nhập khẩu giảm.

Tuy nhiên, thị trường bất động sản suy giảm, nợ chính quyền địa phương gia tăng và chi tiêu của khu vực tư nhân yếu là các nguyên nhân chính làm cho nhu cầu trong nước suy yếu, gây áp lực lên lạm phát và hoạt động sản xuất. Doanh số bán lẻ tháng 6 của Trung Quốc cũng không đạt kỳ vọng do chỉ tăng 2%, thấp hơn so với mức 3,7% đạt được trong tháng 5/2024. Đầu tư tư nhân tăng 0,1% trong nửa đầu năm 2024, trong đó đầu tư bất động sản đã giảm 10,1% trong tháng 6 so với cùng kỳ năm ngoài.

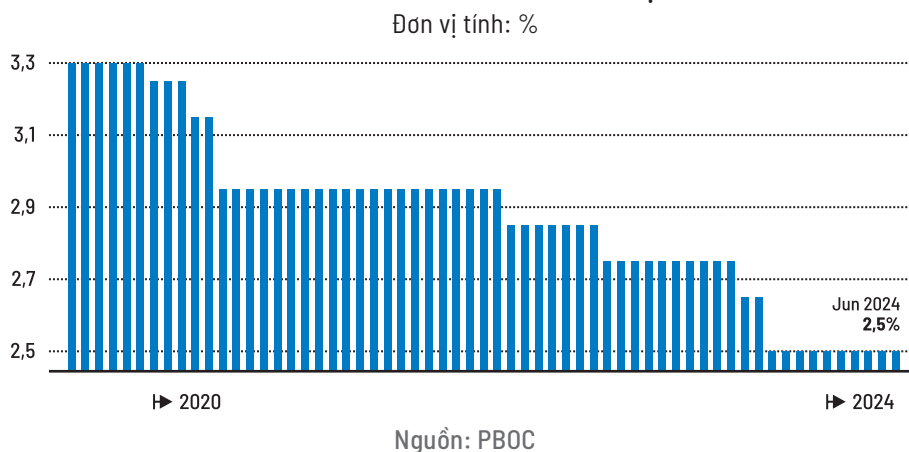
Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Trung Quốc giảm nhẹ xuống còn 0,2% vào tháng 6/2024 từ mức 0,3% của tháng trước, thấp hơn ước tính của thị trường là 0,4%.



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

Số liệu chính thức công bố ngày 15/7 cho thấy **kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 4,7% trong quý II/2024 so với cùng kỳ năm trước, tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP của Trung Quốc tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái**. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong quý II/2024 kém hiệu quả so với kỳ vọng của thị trường chủ yếu là do tiêu dùng nội địa kém và bất động sản yếu.

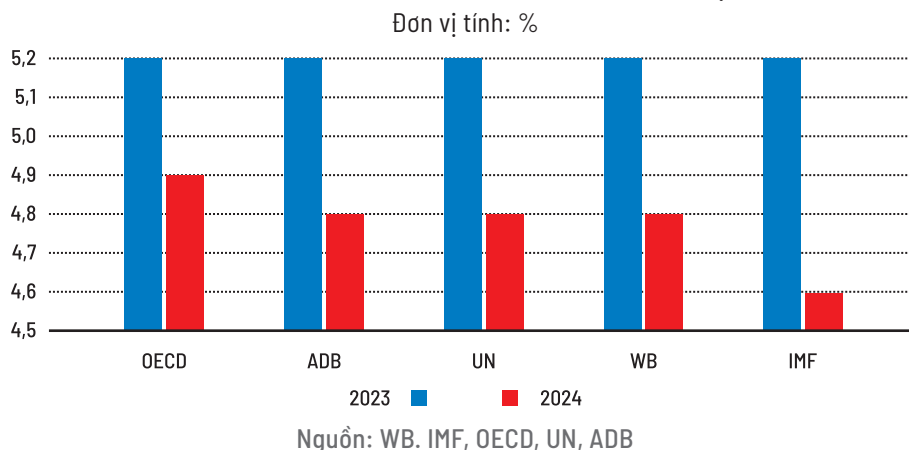
DIỄN BIẾN LÃI SUẤT ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG HẠN (MLF) CỦA PBOC



Trước những khó khăn của nền kinh tế, ngày 17/6, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã quyết định giữ nguyên lãi suất đối với khoản vay trung hạn (MLF) ở mức 2,5% trong tháng thứ 10 liên tiếp. Cùng với đó, PBOC cho biết sẽ giữ nguyên lãi suất các khoản vay trung hạn trị giá 182 tỷ nhân dân tệ (25,08 tỷ USD) đối với một số tổ chức tài chính ở mức 2,5% nhằm hỗ trợ nền kinh tế và kích thích nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Về dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, hầu hết các tổ chức quốc tế (IMF, ADB, UN, WB, OECD) cùng nhận định tăng trưởng của Trung Quốc năm 2024 sẽ chậm lại, đạt khoảng 4,6% - 4,9%, thấp hơn mức 5,2% của năm 2023. Mặc dù dự báo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại so với năm 2023 nhưng hầu hết các tổ chức đều điều chỉnh tăng 0,1 - 0,3 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trước đó, chỉ riêng IMF giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ở mức 4,6%, cũng là mức dự báo thấp nhất trong số các tổ chức quốc tế nêu trên.

ĐÁNH GIÁ TĂNG TRƯỞNG CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO NĂM 2024



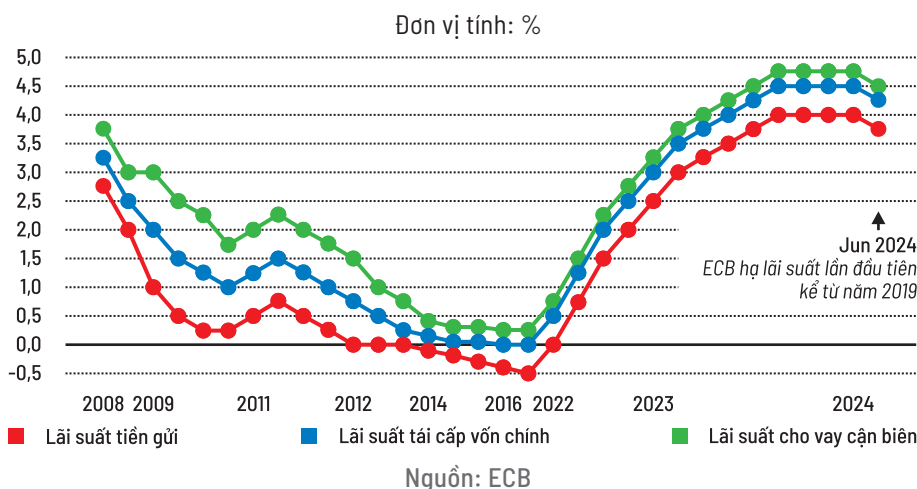
▪ **Kinh tế EU**

Chỉ số PMI tổng hợp của khu vực đồng Euro trong tháng 6/2024 đạt 50,8 điểm, giảm 1,4 điểm so với mức 52,2 điểm của tháng 5/2024, nhưng vẫn cho thấy sự mở rộng trong hoạt động kinh tế tư nhân khi tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ đạt 52,6 điểm trong tháng 6/2024, đủ để bù đắp cho sụt giảm của lĩnh vực chế biến chế tạo (đạt 45,6 điểm tháng 6/2024 so với 47,3 điểm trong tháng 5/2024) → hoạt động kinh doanh chậm lại đáng kể trong tháng 6.

Lạm phát tại Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) trong tháng 6/2024 đã giảm nhẹ xuống 2,5%, thấp hơn mức 2,6% của tháng 5/2024. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát cơ bản (không bao gồm giá năng lượng, thực phẩm) vốn nhận được nhiều sự quan tâm từ ECB vẫn ở mức 2,9%, cao hơn so với mục tiêu 2% mà Ngân hàng Trung ương Châu Âu đặt ra.

Ngày 6/6, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã chính thức hạ lãi suất lần đầu tiên trong khoảng 5 năm trở lại đây. Cụ thể, từ ngày 12/6, lãi suất tiền gửi ở mức 3,75%, lãi suất tái cấp vốn chính ở mức 4,25% và lãi suất cho vay cận biên ở mức 4,5%.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU (ECB)

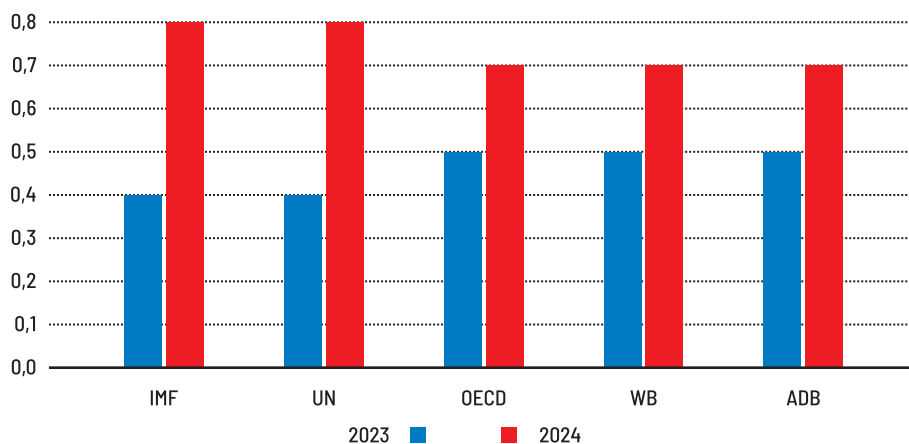


Nhìn chung trong tháng qua, mặc dù lãi suất đã giảm, nhưng vẫn ở mức cao, dẫn đến chi phí sản xuất tăng lên đối với nhiều công ty trong khu vực và làm giảm chi tiêu của người tiêu dùng. Tình hình này đã ảnh hưởng xấu đến niềm tin của nhà đầu tư. Trong tháng qua, các nhà giao dịch đã đẩy giá trị đồng đồng tiền chung khu vực châu Âu - euro xuống thấp nhất trong 3 tháng qua, phản ánh sự lo ngại về các yếu tố kinh tế tiêu cực như lãi suất cao và hoạt động sản xuất kinh doanh trì trệ, làm gia tăng sự bất ổn trên thị trường tài chính khu vực.

Bên cạnh đó, trong báo cáo công bố ngày 12/6, ECB cho biết tỷ trọng của đồng euro trong dự trữ ngoại hối toàn cầu đã giảm mạnh, trong khi tỷ trọng của đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng yên của Nhật Bản ngày một gia tăng. ECB cho rằng triển vọng tăng trưởng yếu ở Eurozone, tình trạng thiếu nguồn cung các loại tài sản có mức xếp hạng cao và tăng trưởng kinh tế thấp là những yếu tố cản trở đầu tư vào các tài sản bằng đồng euro.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ KHU VỰC EU NĂM 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: WB, IMF, OECD, UN, ADB

Về tăng trưởng trong thời gian tới, hầu hết các tổ chức quốc tế đều nhận định tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro dự báo sẽ phục hồi từ mức tăng trưởng thấp, ước đạt khoảng 0,5% năm 2023 lên mức 0,7% - 0,8% năm 2024. Cụ thể là:

OECD dự báo tăng trưởng GDP của khu vực này đạt 0,7% năm 2024, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 02/2024.

ADB nhận định nhu cầu tiêu dùng nội khối tăng kết hợp với môi trường kinh doanh bên ngoài thuận lợi là những yếu tố tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực đồng Euro lên mức 0,7% năm 2024.

WB giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro năm 2024, ở mức 0,7% so với dự báo vào tháng 01/2024.

IMF dự báo tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro năm 2024 ở mức 0,8%, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2024 do tốc độ phục hồi kinh tế Đức chậm trong bối cảnh niềm tin người tiêu dùng Đức liên tục giảm, đây cũng là con số dự báo UN đưa ra cho tăng trưởng của khu vực đồng Euro năm 2024.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Tại thời điểm tháng 6/2024, các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 so với các dự báo đưa ra trước đó. Cụ thể là:

Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,6% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024);

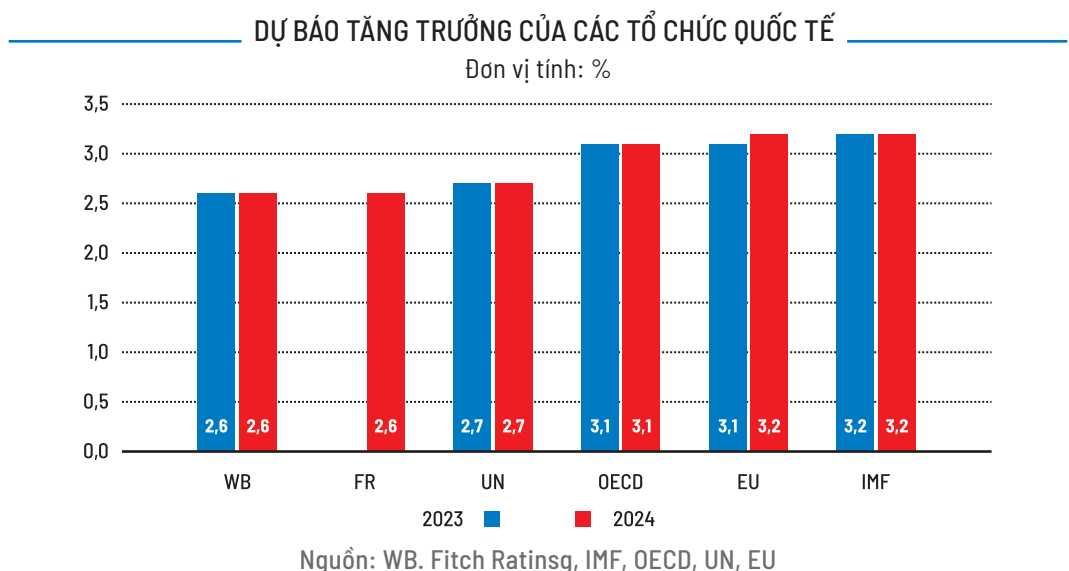
Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 2,6%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 3/2024;

Liên hợp quốc (UN) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2024 (tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024);

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 3,1% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 02/2024);

Liên minh châu Âu (EU) dự báo kinh tế toàn cầu năm 2024 tăng trưởng 3,2% (tăng 0,1 điểm phần trăm so với tăng trưởng năm 2023);

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định nền kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng 3,2% năm 2024, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2024.





PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 6/2024 & 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

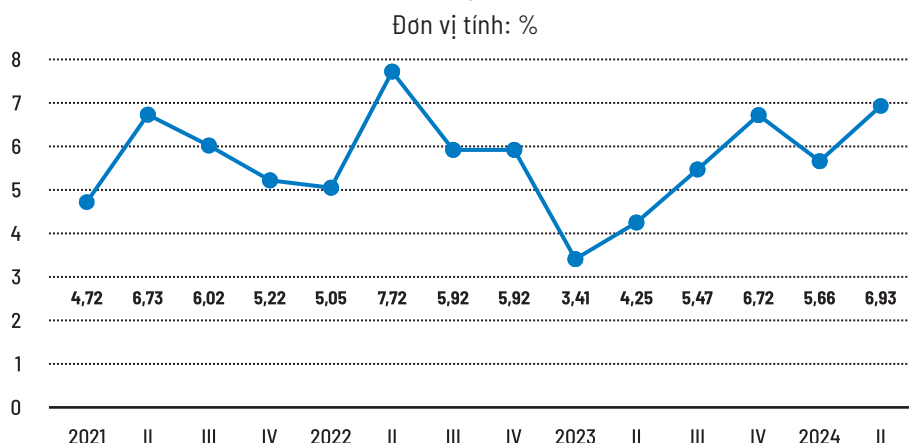
Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đã tăng mạnh lên 54,7 điểm trong tháng 6/2024, so với mức 50,3 điểm của tháng 5/2024. Kết quả này không chỉ cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện tháng thứ ba liên tiếp, mà còn cho thấy các điều kiện kinh doanh đã tích cực lên đáng kể. Trong đó có 3 điểm nhấn nổi bật cần lưu ý là số lượng đơn đặt hàng tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2011; việc làm tăng trưởng trở lại và giá cả đầu ra tăng với tốc độ nhanh nhất trong hai năm.

Tình hình kinh tế-xã hội tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2024 tiếp tục xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho các quý tiếp theo. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, thúc đẩy tăng trưởng cả 3 khu vực, các cân đối lớn được bảo đảm. Thị trường tiền tệ, tỷ giá được điều hành linh hoạt, kịp thời, hài hòa với điều hành lãi suất, bảo đảm an toàn, thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Đáng chú ý các kết quả nổi bật như sau:

1.1.1. Tăng trưởng GDP

Kinh tế Việt Nam Quý II năm 2024 tiếp tục khởi sắc sau đà tăng trưởng trong quý I với tăng trưởng GDP quý II phục hồi mạnh, đạt 6,93%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 4,25% cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nông nghiệp tăng 3,34%; công nghiệp và xây dựng tăng 8,29 %; dịch vụ tăng 7,06%.

TĂNG TRƯỞNG GDP THEO QUÝ TỪ NĂM 2021 ĐẾN NAY

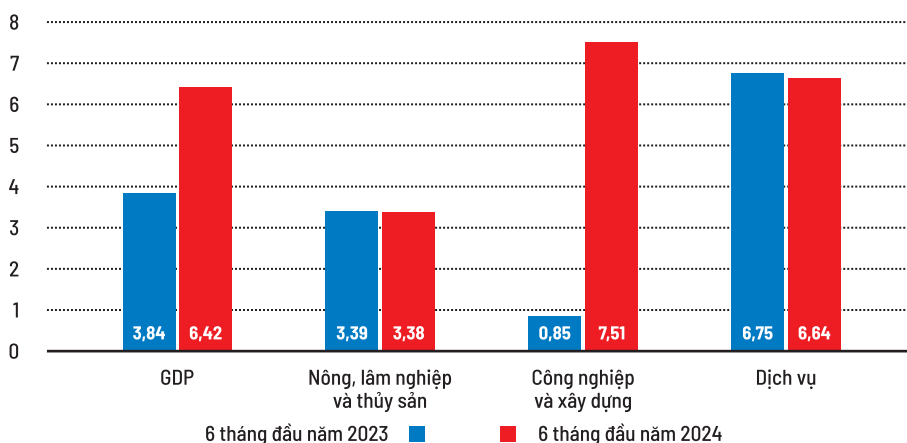


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP tăng trưởng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024, cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2023 (3,84%) và vượt kịch bản tại Nghị quyết 01 (5,5-6%). Cả 3 khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đều tăng trưởng tốt, cao hơn mức tăng trưởng đã đạt được cùng kỳ năm 2023 (nông nghiệp tăng 3,38%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%; dịch vụ tăng 6,64%).

TỐC ĐỘ TĂNG GDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %



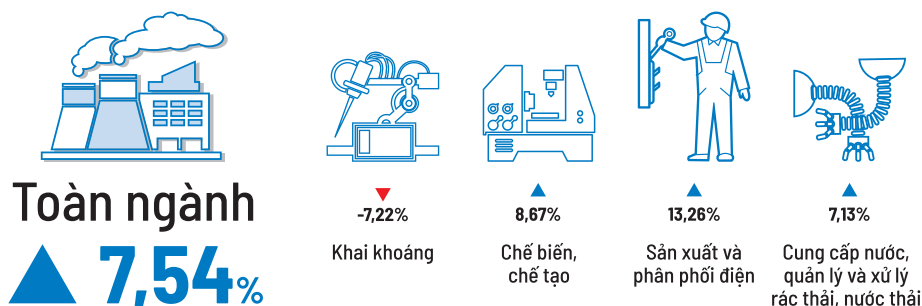
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 6/2024 ước tính tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 7,7% với cùng kỳ năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 12,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,7% và ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,47%; quý II tăng 8,55%). Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 56 địa phương và giảm ở 7 địa phương trên cả nước.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành xây dựng cũng tăng ấn tượng 7,34% trong 6 tháng đầu năm nay. Đây là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2020-2024, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Việc đẩy mạnh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công cùng với đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài đã có tác động lan tỏa tích cực, thúc đẩy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước gồm: Thép thanh, thép góc tăng 34,5%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 18,4%; đường tinh chế tăng 18,2%; thép cán tăng 17,3%; phân hỗn hợp NPK tăng 13,7%; điện sản xuất tăng 12,2%; đường kính tăng 10,7%; sơn hóa học tăng 10,1%; phân ure tăng 9,9%; sữa bột tăng 9%; xăng, dầu các loại tăng 8,9%.

Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí hóa lỏng (LPG) giảm 18,5%; khí đốt thiên nhiên giảm 16%; tivi các loại giảm 9,6%; dầu thô khai thác giảm 6,6%; bia các loại và sắt, thép thô cùng giảm 4,1%; alumin giảm 3,9%; ô tô giảm 3,2%; điện thoại di động giảm 2,8%; xe máy giảm 1,3%.

1.1.3. Xuất nhập khẩu

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn, *xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng mạnh*, xuất siêu lớn, góp phần bảo đảm cán cân thanh toán.

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



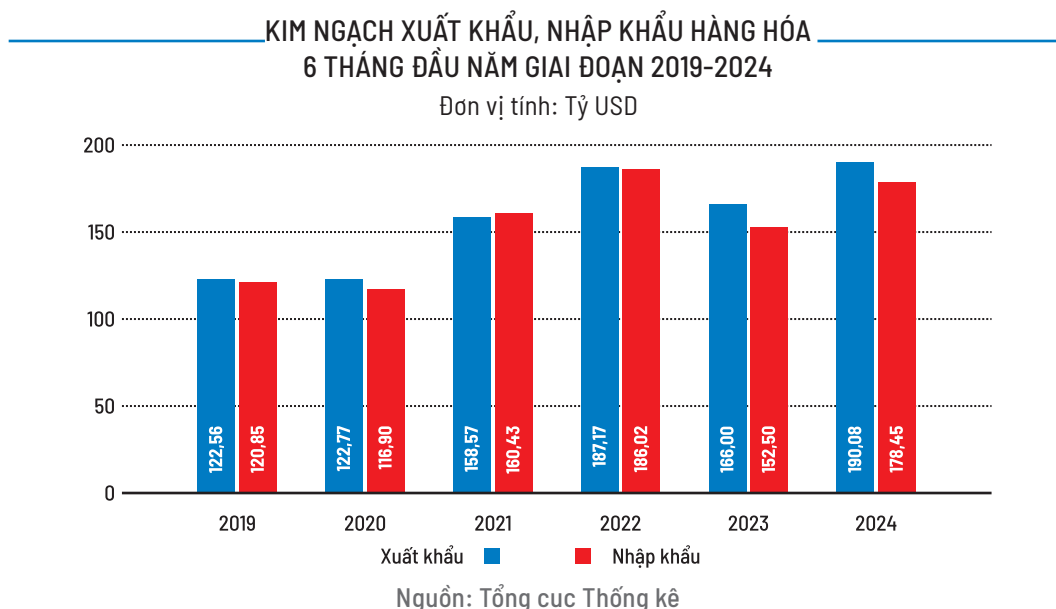
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2024 ước đạt 33,09 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2024, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 97,2 tỷ USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,6% so với quý I/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 53,39 tỷ USD, tăng 20,6%, chiếm 28,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 136,69 tỷ USD, tăng 12,3%, chiếm 71,9%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 166,79 tỷ USD, chiếm 87,7%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2024 ước đạt 30,15 tỷ USD, giảm 7,9% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2024, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 93,4 tỷ USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 9,7% so với quý I/2024. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 65,74 tỷ USD, tăng 22,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 112,71 tỷ USD, tăng 14,1%. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 167,73 tỷ USD, chiếm 94%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 6/2024, ước tính xuất siêu 2,94 tỷ USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 11,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,44 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,35 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 23,98 tỷ USD.



So với 6 tháng đầu năm các năm giai đoạn 2020-2024, kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt trị giá cao nhất và kim ngạch nhập khẩu ước đạt giá trị ở vị trí thứ hai so với 6 tháng đầu năm các năm giai đoạn 2020-2024. Kim ngạch nhập khẩu ước 6 tháng đầu năm 2024 tăng, phản ánh tín hiệu tốt hoạt động sản xuất trong nước phục hồi so với năm 2023 (6 tháng đầu năm 2023 giảm 18%).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu ước đạt 11,6 tỷ USD, đây là mức xuất siêu khá tích cực và là năm thứ hai đạt giá trị xuất siêu lớn trong giai đoạn 2020-2024.

Xét theo loại hình kinh tế, khu vực kinh tế nước ngoài duy trì vai trò dẫn dắt với tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt đạt 71,9% và 63,2%. Kim ngạch xuất khẩu tăng 12,3%; nhập khẩu tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2023. Xét theo thị trường, trị giá hàng xuất khẩu tăng trưởng khá mạnh so với cùng kỳ 2023, ở hầu hết các thị trường chủ lực của Việt Nam, như: Trung Quốc tăng 5,3%; Hoa Kỳ tăng 22,1%; thị trường EU tăng 14,1%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

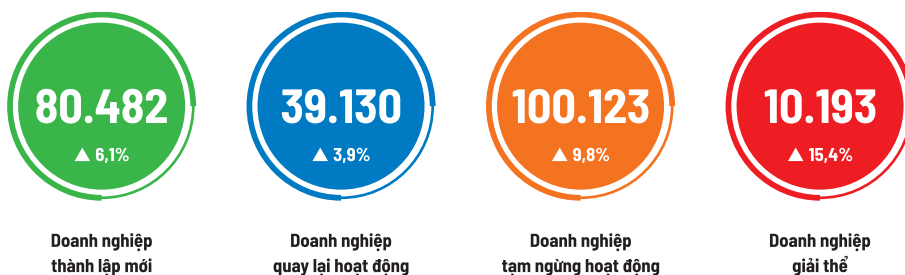
Đối với lĩnh vực dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ Quý 2/2024 ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2023 và giảm 4,6% so với quý trước; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 8,3 tỷ USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6,5% so với quý trước.

Tính chung 6 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 11,25 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó dịch vụ du lịch đạt 6 tỷ USD (chiếm 53,1% tổng kim ngạch), tăng 40,1% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận tải đạt 3 tỷ USD (chiếm 26,8%), tăng 2%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 6 tháng năm 2024 ước đạt 16,11 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 6,9 tỷ USD (chiếm 42,7% tổng kim ngạch), tăng 18,6%; dịch vụ du lịch đạt 4,9 tỷ USD (chiếm 30,4%), tăng 52,9%. Nhập siêu dịch vụ 6 tháng năm 2024 là 4,86 tỷ USD.

1.1.4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 6/2024, cả nước có 15,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 19,1% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước; hơn 7,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 11,6% và tăng 6,1%; 5.418 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 2,2% và tăng 6,2%; 5.404 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 18,8% và giảm 6%; 2.228 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 44,9% và tăng 50,3%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, cả nước có gần 119,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2023.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

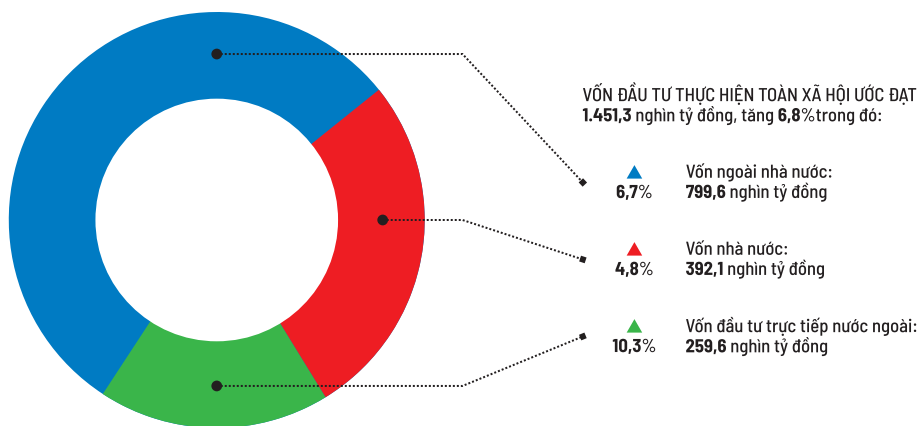


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.5. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2024 theo giá hiện hành ước đạt 834,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính sáu tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước và ghi nhận tăng trưởng ở tất các hình thức đầu tư: nhà nước, ngoài nhà nước, nước ngoài... Điều này phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước trong nửa đầu năm 2024 phục hồi rõ nét ở nhiều ngành, lĩnh vực, tạo động lực cho thu hút và thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội.

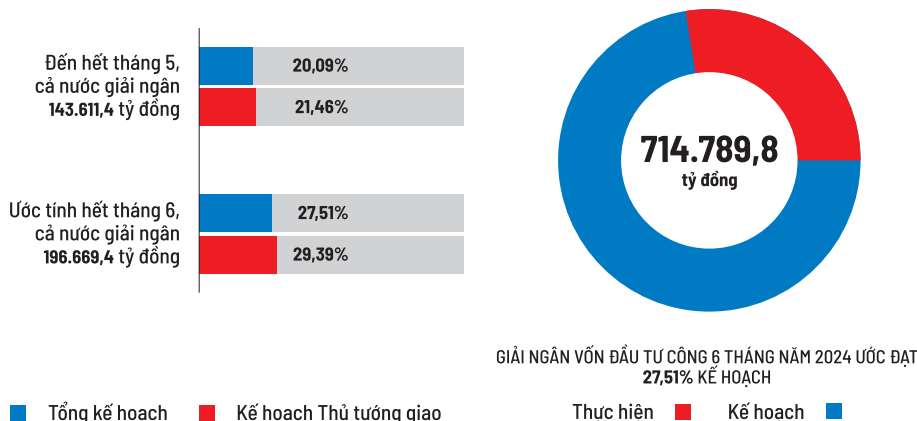
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Điểm sáng nổi bật, có ý nghĩa quan trọng, nâng cao năng lực, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2024 đó là Chính phủ đã kiến tạo lực đẩy và phát huy tối đa khả năng giải ngân vốn đầu tư công. Trong 6 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư công thực hiện ước đạt 244,4 nghìn tỷ đồng, bằng 33,8% kế hoạch năm và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 32,2% kế hoạch và tăng 22,5%). Tốc độ giải ngân đầu tư công của cả nước tính đến ngày 30/6/2024 là 196,7 nghìn tỷ đồng, đạt 29,39% kế hoạch, thấp hơn 3,2% so với cùng kỳ năm trước (30,49%).

GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2024

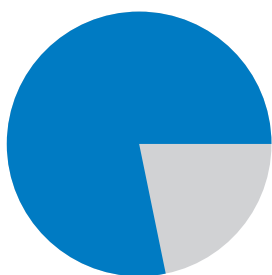


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tuy nhiên, số lượng bộ, cơ quan trung ương, địa phương giải ngân dưới trung bình cả nước còn cao (33 bộ, cơ quan trung ương và 28 địa phương); Nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương không duy trì được kết quả giải ngân tốt như cùng kỳ năm 2023; Tỷ lệ giải ngân của các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải, dự án giao thông liên vùng còn thấp; Tỷ lệ giải ngân vốn của các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài còn thấp.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

TỶ LỆ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2024



Giải ngân nguồn vốn chương trình phục hồi & phát triển kinh tế xã hội ước khoảng 4,8 nghìn tỷ đồng, đạt 78,23% kế hoạch

TỶ LỆ GIẢI NGÂN TRÊN MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC
11 BỘ, CƠ QUAN; 35 ĐỊA PHƯƠNG



Giải ngân nguồn vốn 3 chương trình mục tiêu quốc gia ước khoảng 9,6 nghìn tỷ đồng, đạt 35,43% kế hoạch

TỶ LỆ GIẢI NGÂN DƯỚI MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC
11 BỘ, CƠ QUAN; 35 ĐỊA PHƯƠNG

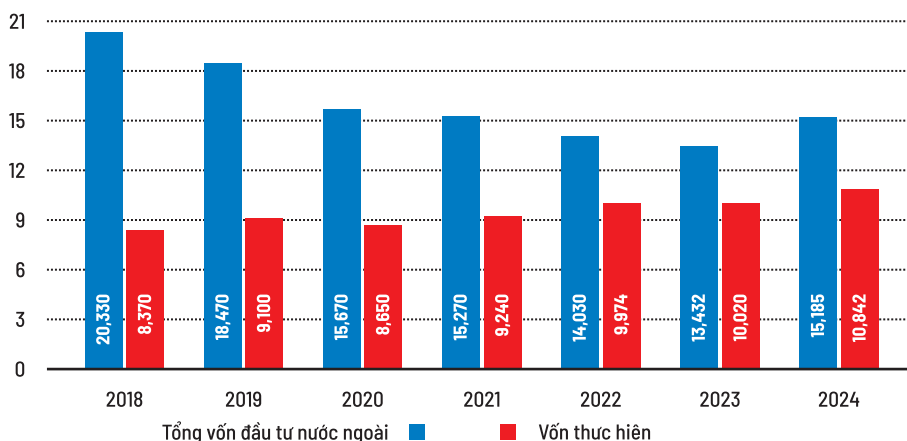
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính đến ngày 20/6/2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,19 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Kết quả khả quan này khẳng định niềm tin của nhà đầu tư vào triển vọng tăng trưởng và cơ hội đến từ dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đối với Việt Nam.

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM 6 THÁNG QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD

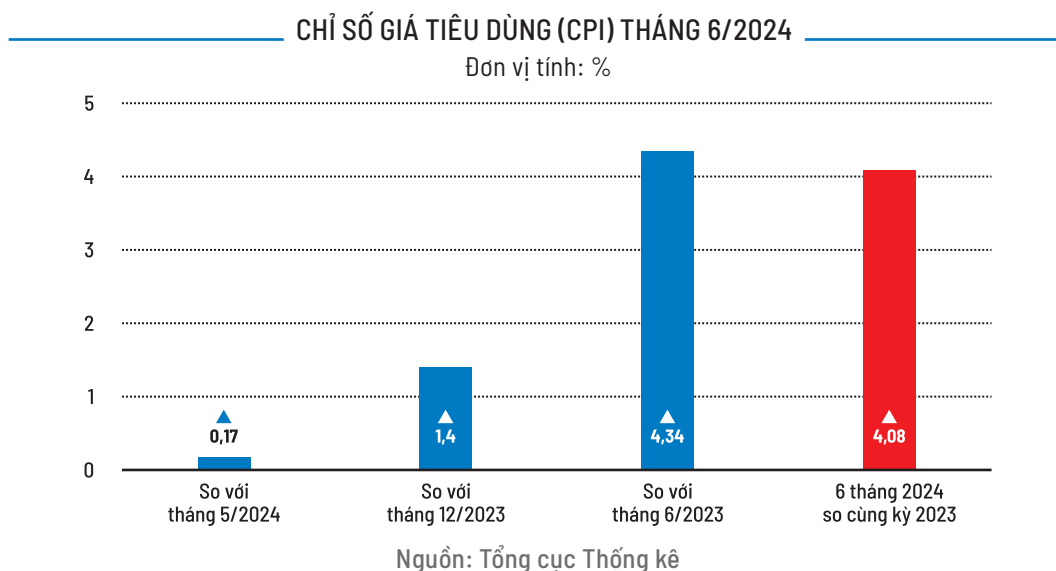
(Số liệu tính đến 20/6/2024)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.6. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2024 tăng 0,17% so với tháng 5/2024, tăng 1,4% so với tháng 12/2023 và tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 4,08% so với cùng kỳ năm 2023.



Các yếu tố tác động làm tăng CPI 6 tháng đầu năm 2024:

(i) **Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống** bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,34 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá:

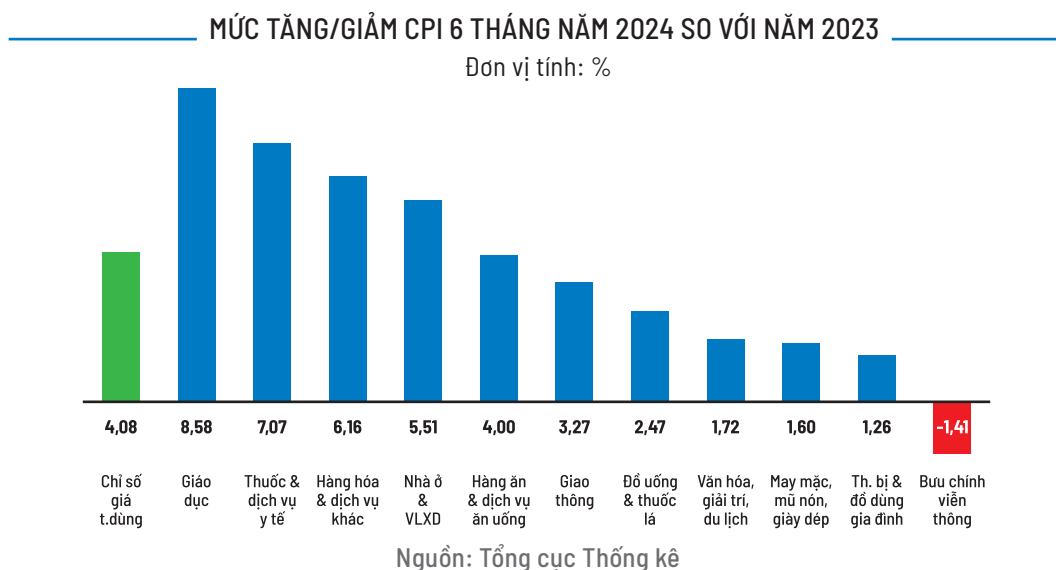
- **Nhóm lương thực** tăng 15,76%, tác động làm CPI tăng 0,58 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 20,98% theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp lễ, Tết, làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm;
- **Nhóm thực phẩm** tăng 2,05%, làm CPI chung tăng 0,44 điểm phần trăm;
- **Nhóm ăn uống ngoài gia đình** tăng 4,13%, làm CPI chung tăng 0,36 điểm phần trăm do nhu cầu tăng cùng với giá nguyên liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng.

(ii) **Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng** tăng 5,51% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,04 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,95%, tác động làm CPI tăng 0,52 điểm phần trăm; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 9,45% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân trong năm 2023 làm CPI chung tăng 0,31 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt bình quân 6 tháng tăng 10,15% so với cùng kỳ năm trước; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,87%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

(iii) **Chỉ số giá nhóm giáo dục** tăng 8,58% do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm.

(iv) **Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế** tăng 7,07%, tác động làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.



1.1.7. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 6/2024 tăng 0,18% so với tháng trước, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,75% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,08%), chủ yếu do giá lương thực, điện, dịch vụ giáo dục và dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

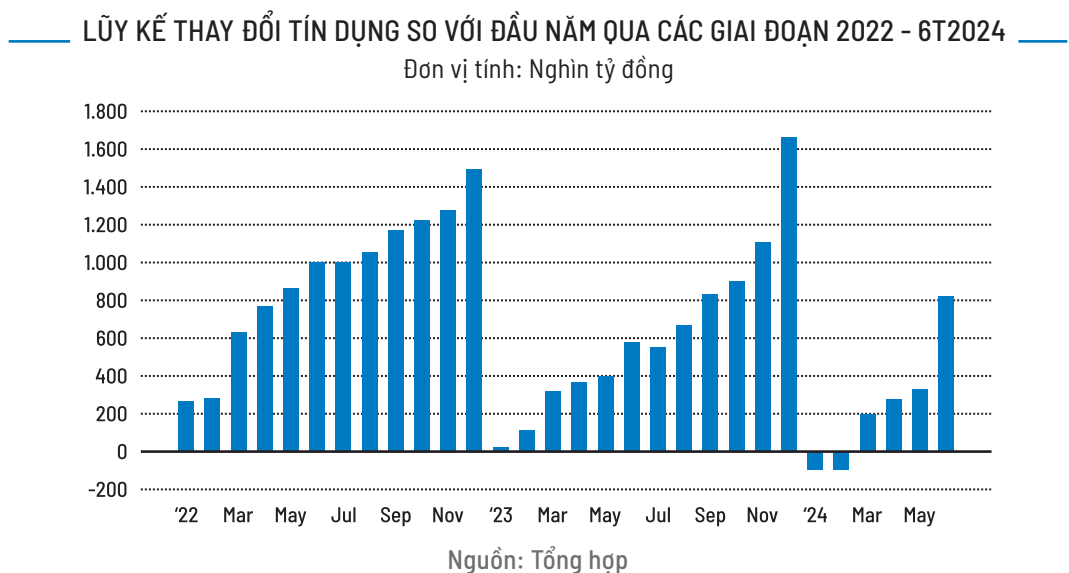
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Sau khi tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm và cuối tháng 5 vẫn tăng trưởng rất thấp, tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống tính đến hết tháng 6/2024 bất ngờ tăng mạnh 6% so với cuối năm 2023. Tín dụng tiếp tục tập trung vào các động lực tăng trưởng kinh tế, vào phân khúc doanh nghiệp, đáp ứng các xu hướng mới như tín dụng xanh.

Cụ thể, tín dụng ở lĩnh công nghiệp và xây dựng tăng 4,3%; lĩnh vực ưu tiên tăng rất cao so với mặt bằng chung của nền kinh tế như lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tăng 9,8%, công nghệ cao tăng 18,16%... Riêng tín dụng bất động sản tăng 4,6%, trong đó tín dụng kinh doanh bất động sản tăng 10,29%, chiếm tỷ trọng 39-40% tổng tín dụng bất động sản; Tín dụng tiêu dùng bất động sản tăng 1,15% và chiếm tỷ trọng 60%.

Diễn biến tăng trưởng tín dụng cho thấy, dòng vốn từ ngân hàng đã có tín hiệu khởi thông mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Trước đó tại thời điểm giữa tháng 6/2024, số liệu của NHNN khi đó cho biết tăng trưởng tín dụng đến 14/6 mới đạt 3,79% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, chỉ trong vòng nửa tháng, tín dụng đã vọt tăng mạnh thêm tới 2,21% với hơn 400,000 tỷ đồng được đưa vào nền kinh tế, tăng trưởng khoảng 45% so với con số ghi nhận tại cùng kỳ năm trước.

Số liệu thống kê tại bảng dưới đây cho thấy thông thường tín dụng chỉ tăng bật trong các tháng cuối năm thì giờ đây lại tăng đột biến trong tháng 6. Điều này khiến việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14% cho năm nay trở nên khả thi hơn, áp lực chạy đua tăng trưởng vào những tháng cuối năm như năm 2023 giảm đáng kể.



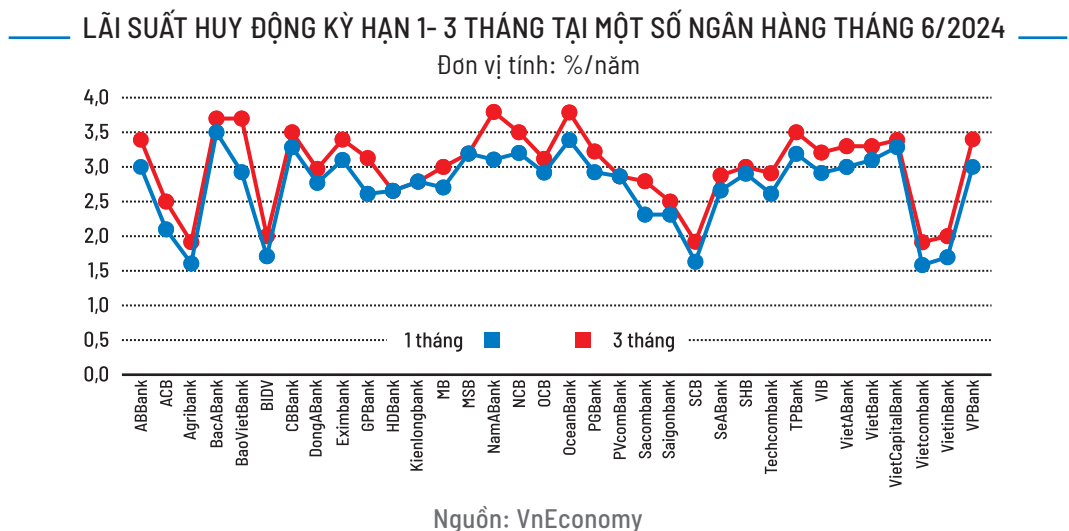
Trước bối cảnh công nghiệp sản xuất đang phục hồi dần, tín dụng cho doanh nghiệp vẫn đang trở thành động lực chính cho tăng trưởng tín dụng trong thời gian này, đặc biệt là khi tín dụng khu vực hộ gia đình vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn để phục hồi. Dù lãi suất đã giảm về vùng hấp dẫn tuy nhiên các hộ gia đình trong giai đoạn này vẫn trong giai đoạn thất lưng buộc bụng để quản lý chi tiêu trước bối cảnh kinh tế khó khăn.

Bức tranh tín dụng cũng có sự phân hóa lớn giữa các ngân hàng. Các ngân hàng quốc doanh vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng thận trọng. Động lực tăng trưởng chính nằm ở các ngân hàng thương mại chuyên cho vay các doanh nghiệp. Cụ thể như các ngân hàng có tỷ trọng cho vay bất động sản và xây dựng cao như LPB (10.6%), Techcombank (9.94%) và HDBank (8.28%) thể hiện mức tăng trưởng vượt trội so với trung bình ngành.

Dự báo nhu cầu tín dụng sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm 2024 khi mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp giúp thúc đẩy nhu cầu vay và nền kinh tế hồi phục. Các yếu tố giúp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tăng sẽ đến từ hoạt động sản xuất, xuất khẩu tích cực, các gói giải ngân đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa cao như dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, năng lượng...

1.2.2. Lãi suất

Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống vẫn dư thừa, cầu tín dụng yếu, làn sóng tăng lãi suất huy động tiếp tục xu thế tại nhiều ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại.



Trong tháng 6/2024, thị trường ghi nhận 23 ngân hàng tăng lãi suất¹¹, trong đó có 12 nhà băng có 2 lần điều chỉnh tăng lãi suất. Riêng Eximbank 3 lần tăng lãi suất huy động nhưng lại giảm 0,1%/năm tiền gửi từ 15-36 tháng.

Đối với kỳ hạn 1 - 3 tháng, đa số các ngân hàng đã kéo mật bằng lãi suất huy động xuống quanh mức 1,6 - 3,8%/năm với hình thức linh lãi cuối kỳ. Trong đó, phần lớn các ngân hàng đều huy động lãi suất về mức dưới 3%/năm. Ngoài ra, phạm vi lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng đang dao động từ 3-5%/năm, kỳ hạn 12 tháng dao động quanh ngưỡng 4,4 - 5,8%.

Hiện lãi suất huy động trên thị trường đã tăng khoảng 0,5 điểm phần trăm so với cuối tháng 3 năm nay. Dù vậy, mức lãi suất huy động này vẫn thấp hơn 0,15 - 0,45 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính từ đầu năm tới ngày 24/6/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng chỉ tăng 1,50%, trong khi tín dụng tăng tới 4,45% so với cuối năm 2023. Như vậy, tín dụng đang tăng gấp 3 lần so với tốc độ tăng huy động vốn. Tình trạng này kéo dài sẽ dẫn tới “bẫy thanh khoản” cho các tổ chức tín dụng, buộc các nhà băng phải tăng lãi suất huy động để cân đối nguồn vốn.

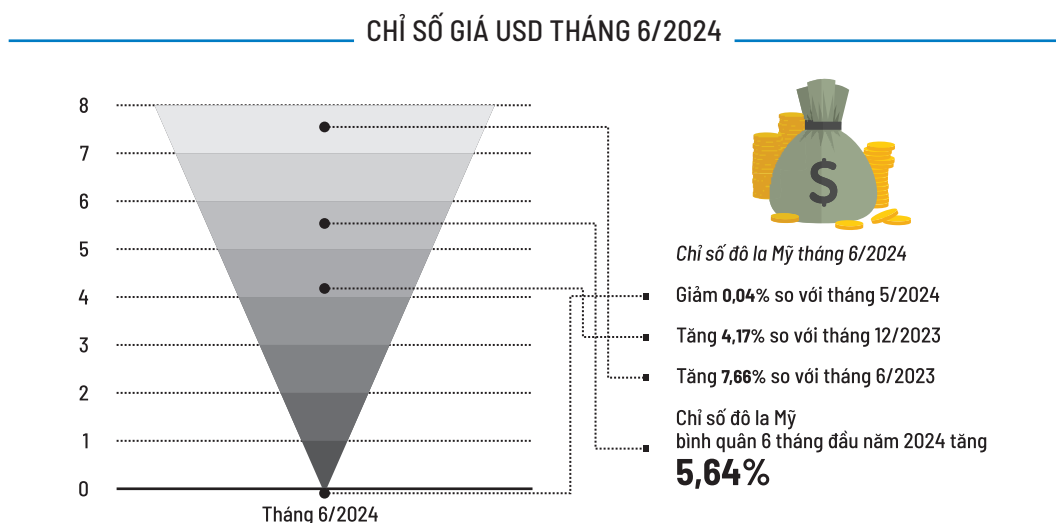
Đối với lãi suất cho vay, NHNN sẽ tiếp tục điều hành các công cụ chính sách tiền tệ để đảm bảo lãi suất cho vay tiếp tục giảm theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, bất chấp lãi suất huy động có xu hướng tăng.

1. Bao gồm: VIB, TPBank, Nam A Bank, LPBank, GPBank, BaoVietBank, OceanBank, MSB, Bac A Bank, ABBank, PGBank, VietBank, Eximbank, MBBank, VietinBank, NCB, OCB, BVBank, Viet A Bank, VPBank, PVcombank, Techcombank, ACB

1.2.3. Tỷ giá

Tỷ giá VND/USD liên tục biến động theo chiều hướng tăng trong tháng 6/2024 chủ yếu do USD trên thị trường thế giới “neo” ở mức cao, không phải do tâm lý kỳ vọng của giới đầu tư trong nước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.455 VND/USD.

Trung bình 6 tháng đầu năm 2024, tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ đã tăng 4,4%. Tuy nhiên, đây là mức mất giá thấp hơn một số đồng tiền của một số quốc gia khác trong khu vực (như Hàn Quốc, Nhật Bản - đồng nội tệ mất giá tới 7% hoặc 11%).



Nguồn: Tổng hợp

Giới phân tích nhận định, trong bối cảnh mức độ mất giá VND vẫn đang ở mức trung bình thấp so với các đồng tiền trong khu vực, kết hợp với kỳ vọng lạm phát trong tầm kiểm soát trong các tháng cuối năm, Ngân hàng Nhà nước nhiều khả năng sẽ thực hiện việc nâng giá bán USD (đồng thời nâng tỷ giá trung tâm), chấp nhận để VND mất giá hơn mức 5% hiện tại. Tuy nhiên, tỷ giá sẽ dần hạ nhiệt vào quý cuối năm và mức mất giá VND cả năm chỉ xoay quanh 4,5%.

Thêm vào đó, diễn biến của tỷ giá nửa cuối năm được dự đoán là sẽ bớt sóng gió hơn nửa đầu năm do được hỗ trợ bởi nguồn cung kiều hối dồi dào, xuất khẩu được cải thiện và kỳ vọng Fed giảm lãi suất vào tháng 9 tới. Dù vậy, cho đến khi Fed chính thức hạ lãi suất, VND được dự báo sẽ tiếp tục mất giá. Theo các chuyên gia, tỷ giá hối đoái VND/USD sẽ sớm đạt đỉnh trong quý III và sau đó sẽ hạ nhiệt. Do đó, tiếp tục bán ngoại tệ can thiệp thị trường vẫn là giải pháp được nhiều chuyên gia dự báo.

1.2.4. Chỉ số giá vàng

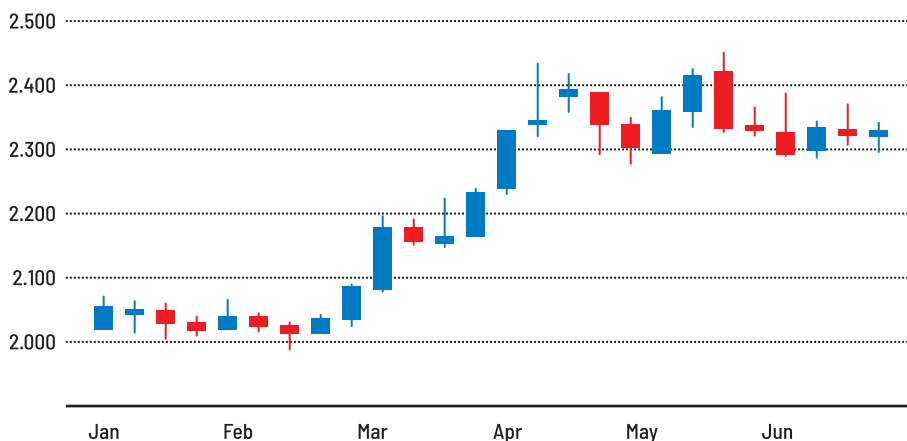
Sau khi đạt đỉnh 2.450 USD/ounce - mức cao kỷ lục trong lịch sử giao dịch giá vàng vào trung tuần tháng 5/2024, giá vàng giao ngay ở mức 2.326 USD/ounce vào phiên đóng cửa ngày cuối cùng của tháng 6/2024. Như vậy, giá vàng thế giới cuối Quý II/2024 đã tăng 5% so với thời điểm cuối Quý I/2024 và tăng 14% kể từ đầu năm đến nay.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

Giá vàng thế giới biến động bất nhất, chi phối bởi sự lên xuống của đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ. Ngân hàng Bank of America (BofA) nhận định, giá vàng có thể đạt 3.000 USD/ounce trong 12 - 18 tháng tới. Có thể nói, sự bất ổn kinh tế có xu hướng thúc đẩy sức hấp dẫn của vàng.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THEO TUẦN TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY

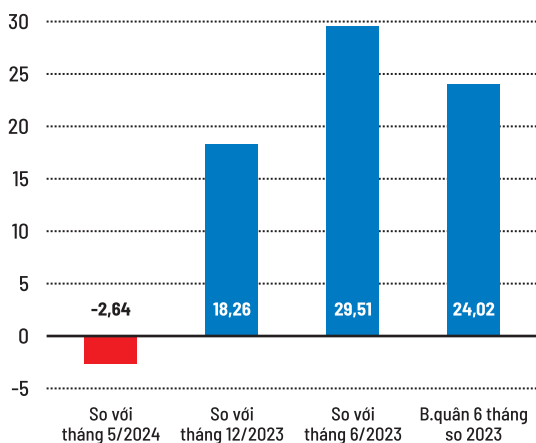
Đơn vị tính: USD/t.oz



Nguồn: Goldprice

Trong nước, thị trường vàng tháng 6/2024 chứng kiến 4 lần liên tiếp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm giá bán vàng miếng trực tiếp và hiện duy trì mức giá bán ổn định trong khoảng 75,98 triệu đồng/lượng. Việc duy trì giá bán ổn định khiến mức chênh lệch giữa giá bán vàng miếng SJC trong nước và giá thế giới quy định chỉ dao động trong khoảng 3 - 4 triệu đồng/lượng, bất chấp biến động giá vàng thế giới.

CHỈ SỐ GIÁ VÀNG TRONG NƯỚC THÁNG 6/2024



Chỉ số giá vàng trong nước tháng 6/2024

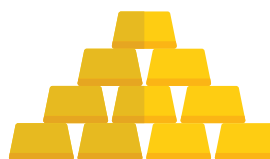
Giảm 2,64% so với tháng 5/2024

Tăng 18,26% so với tháng 12/2023

Tăng 29,51% so với tháng 6/2023

Chỉ số giá vàng trong nước bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng

24,02%



Nguồn: Tổng hợp

1.2.5. Chứng khoán

Trong tháng 6/2024, thanh khoản thị trường chứng khoán Việt Nam giảm nhẹ với khối lượng khớp tháng 6/2024 là 14,45 tỷ cổ phiếu, giảm nhẹ so với tháng 5 và thấp hơn trung bình 5 tháng gần nhất là 16,39 tỷ.

Tính chung 6 tháng đầu năm, diễn biến thị trường chứng khoán có xu hướng hồi phục khá, trong bối cảnh đà phục hồi của nền kinh tế tiếp tục được duy trì với giá trị giao dịch bình quân đạt 24.309 tỷ đồng/phiên, tăng 38,3% so với bình quân năm 2023. Tính đến ngày 28/6/2024, tại phiên giao dịch cuối cùng tháng 6, chỉ số VN-Index đạt 1.245,32 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm 2023.

Về các diễn biến nhóm ngành, nhóm ngành vốn hóa lớn là nhóm giảm điểm mạnh và ảnh hưởng đến thị trường như ngân hàng và bất động sản khi hầu hết đều có mức giảm trên 2% trung bình toàn ngành.

Trong khi đó, các nhóm ngành như công nghệ thông tin, du lịch và giải trí lại đi ngược thị trường với mức tăng ấn tượng 14-15% nhờ các yếu tố hỗ trợ như sự phục hồi của nhu cầu du lịch hay xu hướng phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), Chip bán dẫn và các mảng kinh doanh truyền thống như xuất khẩu phần mềm và chuyển đổi số. Ngoài ra, một nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến ấn tượng, tăng trưởng mạnh là dầu khí, tiêu biểu với các mã như PLX, OIL, GAS, PVD, PVS, BSR, PVT, PVB... Với tính đầu cơ cao, đà tăng của nhóm dầu khí được hỗ trợ bởi xu hướng giá dầu thế giới. Bên cạnh đó, nhóm dầu khí còn có nhiều thông tin hỗ trợ tích cực đến từ tình hình triển khai các dự án dầu khí trọng điểm trong nước như dự án khí Lô B đã ký kết hợp đồng khung cung cấp dịch vụ hỗ trợ quản lý dự án (PMSS) với các nhà cung cấp dịch vụ, tiềm năng rất lớn từ mỏ Cá Voi Xanh...

Triển vọng thị trường chứng khoán trung và dài hạn vẫn tích cực khi nhìn vào bức tranh lớn. Việc duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt và chính sách tài khóa mở rộng trong năm 2024 sẽ giúp cho các hoạt động sản xuất, thương mại, đầu tư và tiêu dùng lần lượt hồi phục, kỳ vọng về kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết quay lại quỹ đạo tăng trưởng là một trong những động lực chính giúp cho thị trường chứng khoán Việt Nam cải thiện hơn nữa.

Bên cạnh đó, các biện pháp nhằm giải quyết vướng mắc trong việc nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE Russel sẽ được cụ thể hóa hơn cũng là một yếu tố quan trọng giúp thị trường chứng khoán hoạt động sôi động hơn trong 6 tháng cuối năm 2024.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động ngành dầu khí

- ***Đề xuất hình thành sàn giao dịch cung cấp xăng dầu***

Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) cho rằng để thị trường có thể tự quyết định giá xăng dầu, nhà nước sẽ thực hiện vai trò giám sát. VESS đề xuất cần thiết lập một sàn giao dịch cung cấp xăng dầu để xác định giá thay vì theo mức giá thế giới, nhằm đảm bảo giá xăng dầu phù hợp. Sàn giao dịch cung cấp xăng dầu sẽ tạo ra sự công khai và minh bạch về giá cả, tránh sự thiên vị và độc quyền, đồng thời tăng cường dự trữ xăng dầu quốc gia bởi các công ty đã đáp ứng đủ điều kiện kho cung ứng.

- ***Tiếp tục giảm 2% thuế VAT đến cuối năm 2024***

Theo nghị quyết kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2024, sẽ tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại Nghị quyết số 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 1/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Với quyết sách này, các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% sẽ được giảm thuế 2% thuế VAT (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ là: Viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Quốc hội giao giao Chính phủ tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm đạt mục tiêu đề ra; chịu trách nhiệm điều hành, thực hiện nhiệm vụ thu, không làm ảnh hưởng đến dự toán thu và bội chi ngân sách nhà nước năm 2024 theo Nghị quyết của Quốc hội. Đảm bảo nguồn thu cho các nhiệm vụ chi đã được dự toán và nhu cầu cấp bách phát sinh. Số thuế VAT dự kiến giảm khi xây dựng chương trình là 49.400 tỷ đồng. Số thực hiện đạt 44.458 tỷ đồng, trong đó làm giảm thu ngân sách Nhà nước năm 2022 là 41.498 tỷ đồng, làm giảm thu ngân sách Nhà nước tháng 1/2023 là 2.960 tỷ đồng, bằng 90% số dự kiến.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 vẫn được dự báo sẽ tiếp tục có nhiều triển vọng tích cực từ các tổ chức quốc tế.

Ngày 10/6, Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt 6,0% cho năm 2024. Theo UOB dù xung đột ở Đông Âu và Trung Đông tiếp tục tác động, nhưng kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ được củng cố nhờ sự phục hồi của nhu cầu chip bán dẫn, tăng trưởng ổn định ở Trung Quốc và khu vực, cũng như những sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.

Ngày 11/6, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,5% trong năm 2024, trước khi tăng tốc lên 6% trong năm 2025 và 6,5% trong năm 2026.

Đánh giá thận trọng hơn về khả năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay, ngày 20/6, Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR) nhận định kinh tế Việt Nam trong năm 2024 có thể diễn biến theo 2 kịch bản. Theo đó, VEPR dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 với mục tiêu 6,5% khó có thể đạt được bởi có sự thu hẹp trong khu vực công, cầu tiêu dùng còn yếu cả trong và ngoài nước, tác động tới chi tiêu khu vực tư nhân và tăng trưởng xuất khẩu, tỷ giá rủi ro tăng trong nửa cuối năm 2024 được thúc đẩy rủi ro lạm phát và giảm động lực đầu tư khu vực tư nhân.

Kịch bản 1, tăng trưởng GDP 2024 ở mức 5,85%, lạm phát ở mức 4,5%, tỷ giá VND bình quân năm mất giá ở mức 5 - 6% năm 2024, giải ngân đầu tư công đạt mục tiêu đề ra cũng như đầu tư FDI không có biến động bất thường trong nửa cuối năm 2024.

Kịch bản thứ 2 là điều chỉnh chính sách tăng GDP 2024 ở mức 6,01%, với điều kiện có điều chỉnh chính sách giảm chênh lệch lãi suất đồng Việt Nam trong nước và các các ngoại tệ mạnh trên thị trường quốc tế, giảm chênh lệch về lãi suất thực về huy động giữa đồng VND và USD, góp phần làm tăng cấu phần xuất khẩu ròng đạt mức 24 tỷ USD. Tăng trưởng đầu tư công và tư tốt hơn nhờ cải thiện môi trường đầu tư, kiểm soát tốt lạm phát ở mức 5%.

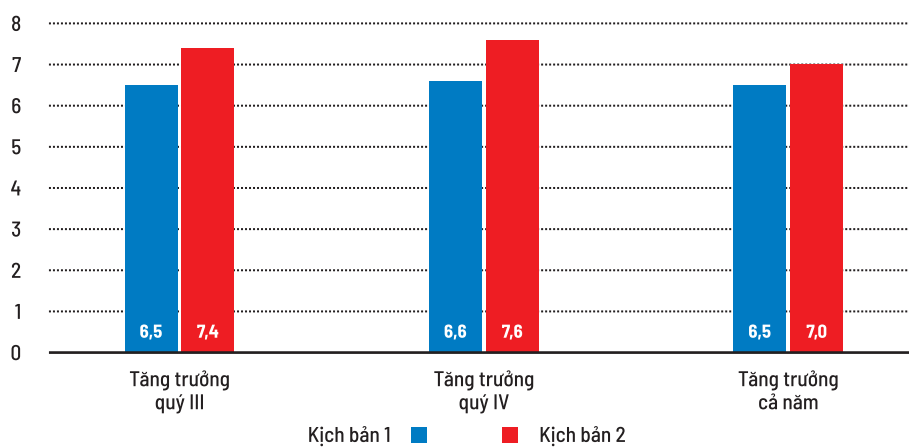
Trong cả hai kịch bản, nền kinh tế đều đang hoạt động dưới mức tiềm năng. Để đạt mục tiêu phát triển kinh tế, VEPR khuyến cáo, trong ngắn hạn cần tiếp tục ưu tiên trọng tâm chính sách tài khóa với sự hỗ trợ của chính sách tiền tệ, tập trung đẩy mạnh hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công các tháng còn lại của năm 2024.

Bên cạnh đó, ngày 20/6, tổ chức xếp hạng tín nhiệm S&P Global Ratings dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng tốc trong 12 tháng tới khi nhu cầu toàn cầu phục hồi và Việt Nam dần giải quyết được những khó khăn trong nước. Theo đó, S&P Global Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt 5,8% trong năm 2024. Trong vòng 3 - 4 năm tới, S&P Global Ratings dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Việt Nam sẽ quay lại xu hướng dài hạn là từ 6,5-7%. Theo tổ chức này, dù quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam còn tiềm ẩn một số rủi ro, triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn khả quan.

Đồng quan điểm lạc quan với S&P Global Ratings, ngày 26/6, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt 6% trong năm 2024 do được hỗ trợ bởi nhu cầu quốc tế mạnh, đầu tư nước ngoài ổn định và các chính sách điều tiết.

Trên cơ sở kết quả tích cực đạt được trong quý II vừa qua, ngày 6/7/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng 2 kịch bản tăng trưởng trình Chính phủ với mục tiêu “phấn đấu cả năm đạt mức tăng trưởng 7%.

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG



Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Các kịch bản nêu trên được xây dựng dựa trên 6 yếu tố tích cực như: (1) xu hướng tăng trưởng tích cực từ các khu vực kinh tế; (2) đầu tư tư nhân và doanh nghiệp Nhà nước phục hồi nhanh hơn, đầu tư FDI duy trì được đà tăng trưởng tích cực; (3) duy trì và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, nhất là việc tập trung vào các thị trường lớn có dấu hiệu chậm lại như Trung Quốc, Nhật Bản...; (4) du lịch và tiêu dùng tăng trưởng nhanh hơn, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu thu hút khách du lịch quốc tế. (5) các chính sách, quy định pháp luật mới chuẩn bị ban hành và có hiệu lực; (6) sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; nỗ lực, quyết tâm của các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là các địa phương đầu tàu kinh tế như Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương....



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ **Cung dầu mỏ:**

Nguồn cung dầu mỏ trên thế giới có nhiều biến động trái chiều trong tháng 6.

Nguồn cung dầu từ Nga đã tăng mạnh trong tháng qua khi mà Nga tiếp tục tăng cường xuất khẩu dầu thô bằng đường biển, bất chấp việc một số nhà máy lọc dầu của Nga bị gián đoạn sản xuất do các cuộc tấn công bằng máy bay không người lái của Ukraine và việc Nga hứa sẽ tuân thủ nghiêm ngặt mục tiêu sản lượng đã được đề ra bởi Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+) trong tháng 6.

Bên cạnh đó, tại Mỹ, các nhà máy lọc dầu đã hoàn thành đợt bảo dưỡng mùa xuân và nhanh chóng tăng cường sản lượng. Điều này góp phần làm cho thị trường dầu mỏ trở nên dồi dào hơn, cung cấp một lượng lớn dầu tinh chế cho thị trường nội địa Mỹ và quốc tế. Sự gia tăng sản lượng từ Mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng nguồn cung toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều bất ổn từ các khu vực khác.

Trong khi đó, nguồn cung từ châu Phi và Niger đã suy giảm đáng kể trong tháng qua.

Tại châu Phi, nhà máy lọc dầu lớn nhất của lục địa này đã trì hoãn đợt cung cấp xăng đầu tiên cho đến giữa tháng 7. Sự trì hoãn này đã tạo ra một khoảng trống tạm thời trong nguồn cung xăng dầu trên thế giới.

Tại Niger, quốc gia này đã ngừng xuất khẩu dầu sang Trung Quốc thông qua đường ống dẫn đến bờ biển Benin, làm giảm nguồn cung từ khu vực này.

▪ **Cầu dầu mỏ:**

Nhu cầu dầu mỏ trên thế giới tăng mạnh, đặc biệt đến từ Châu Á và Mỹ.

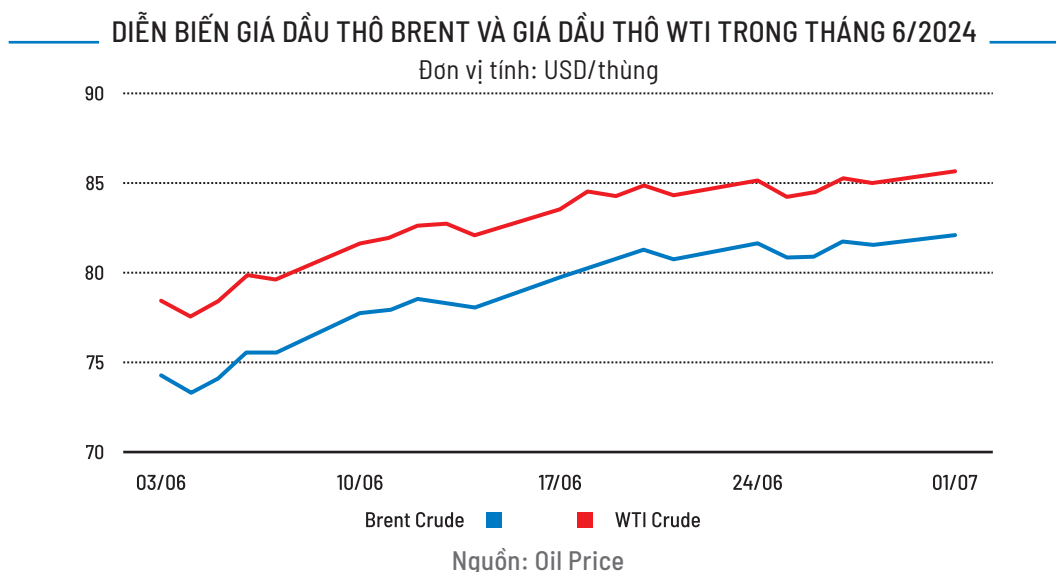
Tại Mỹ, chính phủ đã quyết định tăng cường mua dầu thô nhằm gia tăng lượng dự trữ trong Kho Dự trữ Dầu khí Chiến lược, động thái này diễn ra sau khi một phần lớn dầu từ kho dự trữ đã được bán ra vào năm 2022 để ổn định thị trường.

Tại châu Á, Ấn Độ và Trung Quốc đang chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ về nhu cầu dầu mỏ nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

Ngoài ra, một yếu tố quan trọng khác thúc đẩy nhu cầu dầu toàn cầu là sự phục hồi nhanh chóng của ngành du lịch trong mùa hè. Sự gia tăng này đã dẫn đến nhu cầu cao đối với nhiên liệu hàng không và dầu diesel, hai loại nhiên liệu quan trọng cho ngành vận tải. Đồng thời, không chỉ các chuyến bay thương mại, mà nhu cầu di chuyển bằng đường bộ, đường thủy và vận chuyển hàng hóa tăng cao cũng đóng góp vào sự gia tăng nhu cầu dầu trong tháng qua.

▪ **Diễn biến giá:**

Giá dầu thế giới trong tháng 6 có xu hướng tăng mạnh trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục leo thang và các cuộc tấn công của Ukraine vào các nhà máy lọc dầu của Nga làm tăng nguy cơ làm gián đoạn nguồn cung. Bên cạnh đó, việc giá trị đồng đô la Mỹ (USD) tăng cao kỷ lục cũng đã gây áp lực lên giá dầu.



1.1.2. Thị trường trong nước

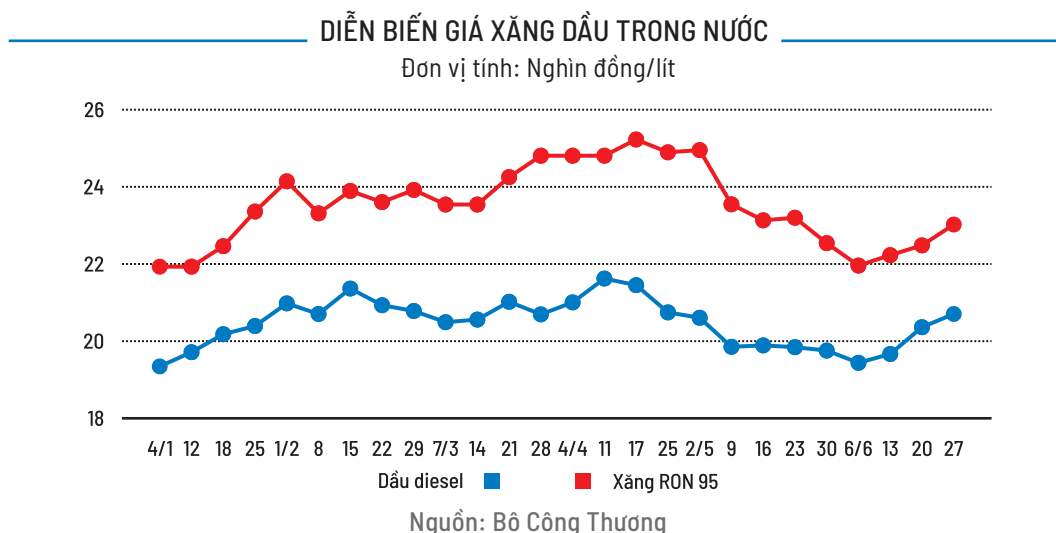
Trong tháng 6, nguồn cung xăng dầu trong nước tiếp tục được duy trì đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu.

Tổng nguồn cung xăng dầu từ hai nguồn sản xuất và nhập khẩu quý II/2024 ước tính khoảng 7,1 triệu tấn, tương đương khoảng 8,875 triệu m³/tấn xăng dầu các loại. Trong đó, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) ước tính chiếm khoảng hơn 4 triệu m³/tấn.

Bên cạnh đó, ước tính tiêu thụ xăng dầu quý II/2024 khoảng 6,3 triệu m³/tấn (bình quân khoảng 2,1 triệu m³/tấn/tháng). Tồn kho xăng dầu khoảng 1,7-1,8 triệu m³/tấn.

Về tình hình kinh doanh xăng dầu, từ đầu năm đến nay, đã có 16 thương nhân phân phối đề nghị trả lại giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh xăng dầu, trên thị trường còn 298 thương nhân phân phối xăng dầu, giảm khoảng 10% so với cuối 2023. Việc các thương nhân phân phối xăng dầu không duy trì điều kiện làm thương nhân phân phối và trả lại giấy chứng nhận, nếu tiếp tục kinh doanh xăng dầu thì họ sẽ lựa chọn hình thức khác như: làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho các thương nhân phân phối hoặc thương nhân đầu mối khác, khi đó các cửa hàng vẫn hoạt động bình thường. Nếu họ không tiếp tục kinh doanh xăng dầu thì chuyển nhượng hoặc cho thuê cơ sở vật chất cho doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu khác để tiếp tục kinh doanh. Như vậy, về cơ bản các cửa hàng xăng dầu vẫn hoạt động bình thường và không gây biến động lớn tới thị trường xăng dầu trong nước.

Trong tháng qua, giá xăng trong nước giảm 5,86% so với tháng trước. Từ đầu năm đến nay, giá xăng có 15 lần tăng, 10 lần giảm. Mặt hàng dầu tăng 13 lần, giảm 12 lần.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- **Cung dầu mỏ:**

Ngày 2/6, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+) đã quyết định gia hạn hạn ngạch sản xuất dầu trong năm nay đối với các thành viên trong cả năm 2025 (từ ngày 01/1 đến 31/12/2025) bao gồm tất cả 22 nước (12 nước OPEC và 10 nước đối tác do Arab Saudi và Nga dẫn dắt). Hạn ngạch bao gồm việc cắt giảm chính thức 2 triệu thùng mỗi ngày theo như mục tiêu sản lượng đã được thống nhất ban đầu vào cuối năm 2022.

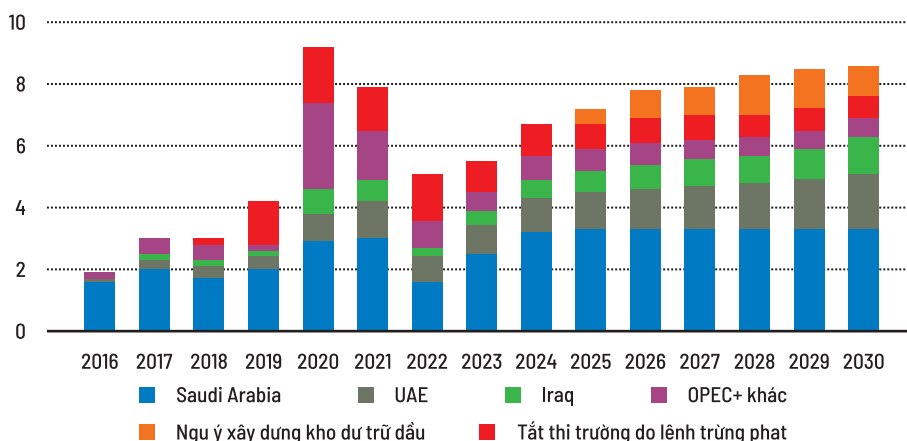
Đặc biệt, trong khi hạn ngạch sản xuất năm 2025 áp dụng đối với các nước OPEC+ chủ yếu vẫn được duy trì giống như năm 2024 thì các nước OPEC+ đã nhất trí tăng sản lượng của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) thêm 300.000 thùng/ngày lên 3,519 triệu thùng/ngày.

Ngoài ra, 8 quốc gia OPEC+ gồm Ả Rập Xê út, Nga, Iraq, UAE, Kuwait, Kazakhstan, Algeria và Oman đã công bố ý định kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng tự nguyện 1,65 triệu thùng/ngày cho đến hết năm 2025. Ngoài ra, 8 nước kể trên cũng sẽ gia hạn cắt giảm sản lượng tự nguyện 2,2 triệu thùng/ngày cho đến cuối tháng 9/2024.

Từ việc gia hạn cắt giảm tự nguyện của OPEC+, trong tháng qua, hãng nghiên cứu năng lượng Rystad Energy dự báo rằng tăng trưởng nguồn cung dầu toàn cầu sẽ chậm lại vào năm 2024 và có thể là vào năm sau. Cụ thể, *Rystad Energy dự báo mức tăng trưởng nguồn cung dầu dự kiến vào khoảng 80.000 thùng mỗi ngày vào năm 2024.*

Trái ngược quan điểm với Rystad Energy, ngày 12/6, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo công suất khai thác dầu có thể tăng mạnh trong những năm tới, trở về mức trước đại dịch Covid-19. *IEA dự báo công suất khai thác dầu sẽ tăng lên gần 113,8 triệu thùng/ngày vào năm 2030, được thúc đẩy chính bởi công suất ở Mỹ và châu Mỹ.*

CÔNG SUẤT SẢN XUẤT DẦU THÔ DỰ PHÒNG CỦA OPEC+ VÀ TỔNG LƯỢNG DẦU DỰ TRỮ TĂNG THÊM ĐẾN NĂM 2030



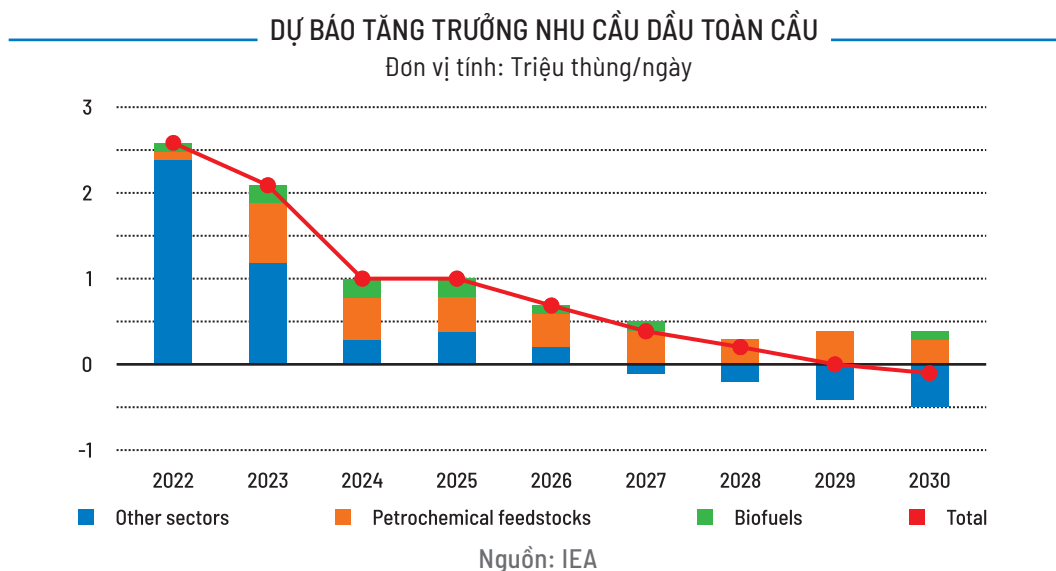
Nguồn: IEA

▪ **Câu dầu mỏ:**

Ngày 11/6, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ nguyên dự báo về mức tăng trưởng tương đối mạnh về nhu cầu dầu toàn cầu vào năm 2024 và cho biết du lịch sẽ hỗ trợ nhu cầu trong nửa cuối năm nay. *OPEC dự báo nhu cầu dầu sẽ tăng 2,25 triệu thùng/ngày vào năm 2024 và 1,85 triệu thùng/ngày vào năm 2025.* Cả hai dự báo đều không thay đổi so với tháng trước. *Về dài hạn, OPEC dự báo nhu cầu dầu sẽ không đạt đỉnh trong dài hạn, và dự kiến nhu cầu sẽ tăng lên 116 triệu thùng/ngày vào năm 2045, và có thể cao hơn.*

Ngoài ra, cũng trong ngày 11/6, Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA) đã nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới năm 2024 lên 1,1 triệu thùng/ngày so với ước tính trước đó là 900.000 thùng/ngày.

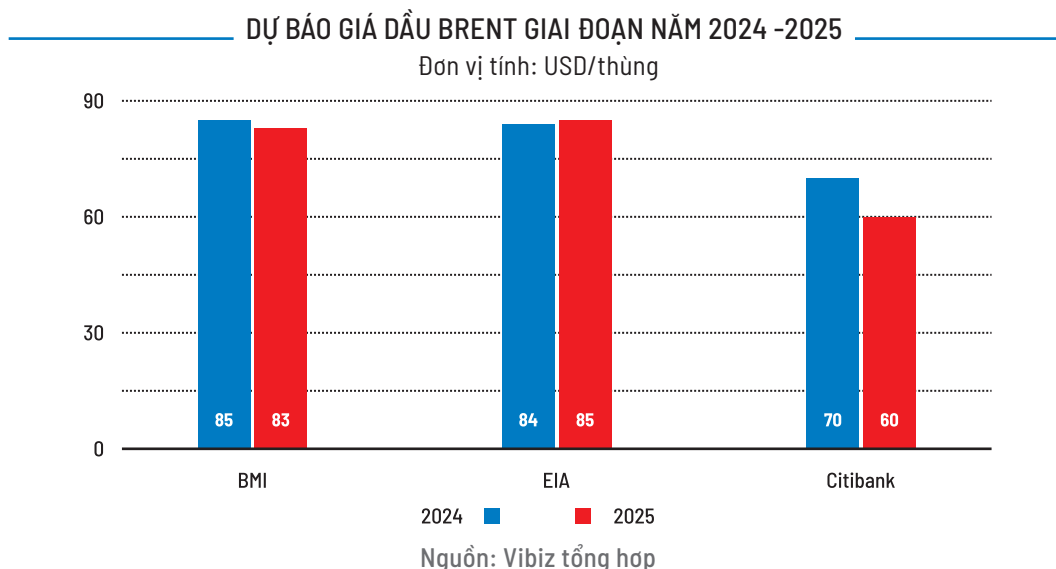
Trong khi đó, ngày 12/6, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu được dự báo sẽ đạt đỉnh vào năm 2029 và bắt đầu giảm vào năm 2030, xuống còn 105,4 triệu thùng/ngày, trong bối cảnh các công nghệ năng lượng sạch tiếp tục phát triển mạnh.



Cùng quan điểm khá tương đồng với IEA, trong tháng qua, Goldman Sachs dự báo nhu cầu dầu của thế giới sẽ tiếp tục tăng trong ít nhất 10 năm tới, với nhu cầu dầu thô đạt đỉnh khoảng 110 triệu thùng/ngày vào năm 2034, do nhu cầu dầu tăng ở châu Á và nhu cầu về các sản phẩm dầu mỏ ngày càng tăng.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng qua, các tổ chức quốc tế như Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA), Citibank và BMI... đều đã điều chỉnh dự báo giá dầu Brent lên cao, do lo ngại căng thẳng địa chính trị và việc hạn chế nguồn cung từ OPEC+.



1.2.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu xăng dầu trong nước trong giai đoạn 2024-2030 dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ do sự phát triển sản xuất, kinh tế và đô thị hóa ngày càng cao. Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ, dẫn đến nhu cầu năng lượng tăng lên ở tất cả các ngành, từ công nghiệp, giao thông vận tải đến sinh hoạt hàng ngày.

Đặc biệt, sự bùng nổ của ngành vận tải và du lịch, cùng với việc mở rộng cơ sở hạ tầng, sẽ là những yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Cụ thể, nhu cầu xăng dầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trung bình từ 3-5% mỗi năm trong những năm tới. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo và sự phát triển của xe điện có thể làm chậm lại đà tăng trưởng của nhu cầu xăng dầu.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

Trong tháng 2, nguồn cung khí đốt tự nhiên trên thế giới tương đối dồi dào với các nguồn cung cấp đa dạng từ nhiều khu vực.

Tại thị trường châu Âu, nguồn cung khí đốt ổn định do các cơ sở lưu trữ của khu vực vẫn tràn ngập khí đốt và việc xuất khẩu khí từ Na Uy sang lục địa này tiếp tục gia tăng do sản lượng khai thác của Na Uy vẫn duy trì ở mức cao.

Tại thị trường châu Á, nguồn cung khí từ Australia cũng đã được trở lại bình thường sau khi Chevron đã khôi phục lại toàn bộ công suất sản xuất LNG và khí nội địa tại cơ sở khí Wheatstone, nơi cung cấp cho một số lượng lớn cho thị trường châu Á.

Tại Mỹ, các nhà khai thác khí đốt tự nhiên đã tăng sản lượng khai thác lên mức kỷ lục do nhu cầu về khí đốt để sản xuất điện tăng cao.

Bên cạnh đó, Nga tiếp tục cung cấp một lượng lớn khí đốt tự nhiên vào thị trường Châu Âu, bất chấp việc châu Âu đã đưa ra nhiều biện pháp để giảm sự phụ thuộc vào khí đốt từ Nga.

▪ *Cầu khí:*

Nhu cầu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) gia tăng mạnh mẽ ở châu Á do thời tiết nắng nóng kéo dài. Trong tháng 6, Châu Á đang trên đà nhập khẩu 23,18 triệu tấn LNG, giảm một chút so với mức 23,55 triệu tấn của tháng 5, nhưng tăng 8,9% so với 21,28 triệu tấn của tháng 6 năm ngoái. Việc giảm nhập khẩu LNG của toàn châu Á trong tháng 6 so với tháng trước phản ánh sự thay đổi nhỏ về lượng hàng đến Trung Quốc và Nhật Bản, hai nhà nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới.

Tại Trung Quốc, ước tính nhập khẩu LNG trong tháng 6 đạt 6,17 triệu tấn, ít thay đổi so với 6,19 triệu của tháng 5 và 6,20 triệu của tháng 6 năm 2023.

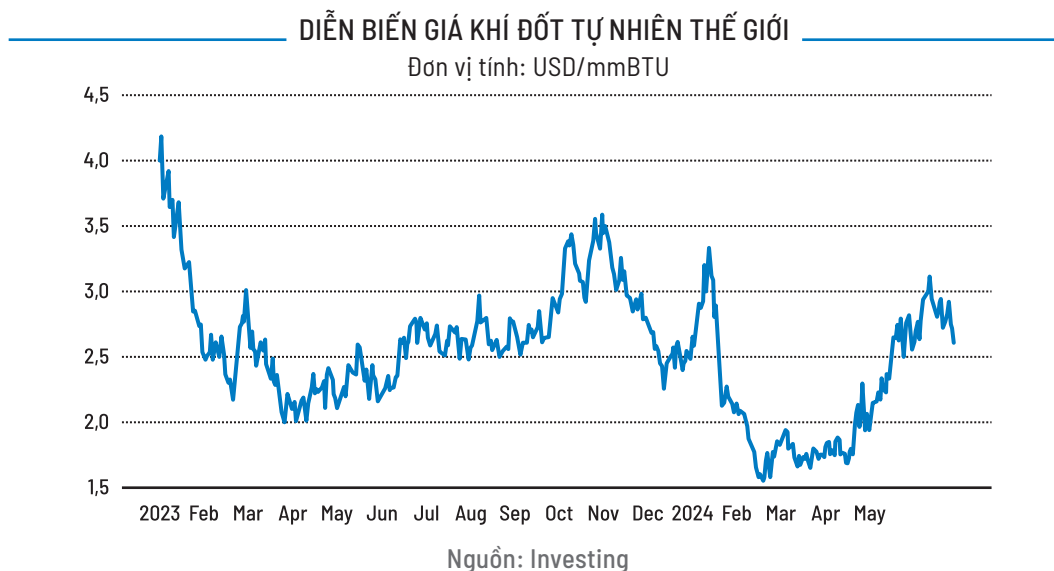
Tại Nhật Bản, lượng LNG nhập khẩu ước tính đạt 4,69 triệu tấn trong tháng 6, giảm nhẹ so với mức 4,80 triệu của tháng 5 và 4,92 triệu vào tháng 6 năm 2023.

Ấn Độ, nhà nhập khẩu LNG lớn thứ tư của lục địa, ước tính đã nhập 2,72 triệu tấn trong tháng 6, cao thứ hai trong kỷ lục và tăng so với 2,46 triệu của tháng 5.

Trái ngược với châu Á, tại châu Âu nhu cầu khí đốt giảm nhẹ so với tháng trước do nhiệt độ mát hơn và việc sản xuất điện từ năng lượng tái tạo ngày càng gia tăng đã giúp giảm bớt một số áp lực đối với nhu cầu khí đốt tự nhiên.

▪ *Diễn biến giá:*

Giá khí đốt tự nhiên thế giới trong tháng 6 có xu hướng giảm dần. Nguyên nhân chính là do nguồn cung dồi dào từ nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt là sự gia tăng sản lượng từ các nhà cung cấp lớn như Na Uy, Mỹ và Nga.



2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 6, thị trường gas trong nước vẫn duy trì sự ổn định, hiện nguồn cung gas nội địa chỉ chủ động được khoảng 60% mức tiêu thụ. Do đó, giá bán lẻ gas trong nước bị chi phối và ảnh hưởng bởi giá gas thế giới.

Mặc dù, giá gas trong nước đang trên đà giảm tuy nhiên vẫn còn ở mức cao, đồng thời nhu cầu về gas vẫn chưa phục hồi và chi phí vận chuyển nội địa ngày một tăng cao làm cho thị trường gas trong nước tương đối ảm đạm. Cụ thể, giá gas tháng 6 giảm 0,66% so với tháng trước do từ ngày 1/6/2024, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 3.400 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 10 USD/tấn so với tháng trước xuống mức 572,5 USD/tấn. Như vậy, tính từ đầu năm 2024 đến nay, đây là tháng thứ 3 liên tiếp giá gas giảm với tổng mức giảm 13.500 đồng/bình 12kg.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

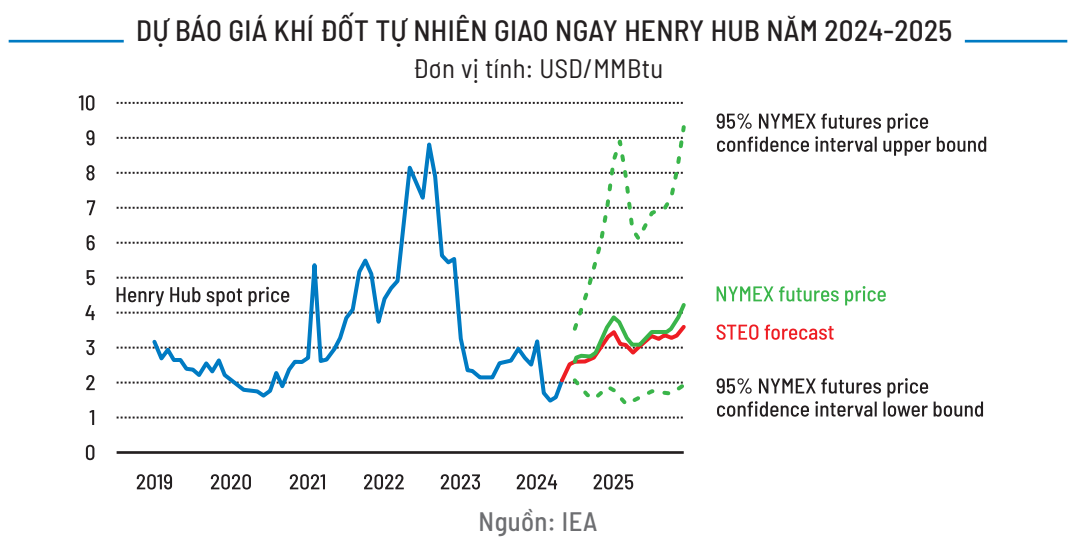
Ngày 2/6, *Goldman Sachs dự báo nguồn cung khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) toàn cầu sẽ tăng 80% vào năm 2030, nhờ các dự án mới ở Qatar và Bắc Mỹ.* Goldman Sachs cho rằng mức tăng trên sẽ chấm dứt cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay do cuộc xung đột Nga - Ukraine gây ra và giúp hạ nhiệt giá khí đốt tự nhiên ở châu Âu và châu Á.

▪ **Cầu khí:**

Trong năm 2024, nhu cầu khí đốt được dự báo sẽ tiếp tục tăng lên nhờ sự gia tăng đáng kể của nhu cầu từ các thị trường mới nổi ở châu Á do dân số ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu khí đốt cũng tăng theo để phục vụ phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, sự phát triển của năng lượng tái tạo cũng có thể có tác động đến tốc độ tăng trưởng của nhu cầu khí đốt trong dài hạn.

▪ **Diễn biến giá:**

Ngày 11/6, Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên giao ngay Henry Hub sẽ đạt trung bình 2,50 USD trên một triệu đơn vị nhiệt Anh (MMBtu) vào năm 2024 và sẽ mức 3,20 USD/MMBtu vào năm 2025.



2.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo nhu cầu tiêu thụ gas bán lẻ của thị trường sẽ tiếp tục giảm dần trong năm 2024 khi khách hàng ngày càng có xu hướng dịch chuyển sang sử dụng các thiết bị điện.

Mặt khác, nhu cầu khí LNG tại Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới, nguyên nhân do sự phát triển kinh tế và công nghiệp của Việt Nam đang tiếp tục gia tăng, dẫn đến nhu cầu năng lượng ngày càng tăng cao. Sự gia tăng này đồng thời cũng tạo áp lực lớn đối với nguồn cung năng lượng hiện có, đặc biệt là trong lĩnh vực điện và công nghiệp.

Bên cạnh đó, khí LNG được xem là một giải pháp hữu hiệu để đáp ứng nhu cầu năng lượng của Việt Nam do tính linh hoạt cao và khả năng cung cấp ổn định. Việc đầu tư vào các dự án hạ tầng LNG như các nhà máy khí LNG và cơ sở hạ tầng liên quan đang được khuyến khích và thúc đẩy để giúp đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Ngoài ra, việc thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và giảm thiểu khí thải cũng đang được đặt lên hàng đầu trong chính sách năng lượng của Việt Nam, làm tăng sự quan tâm đến việc sử dụng khí LNG làm nguồn năng lượng thay thế.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

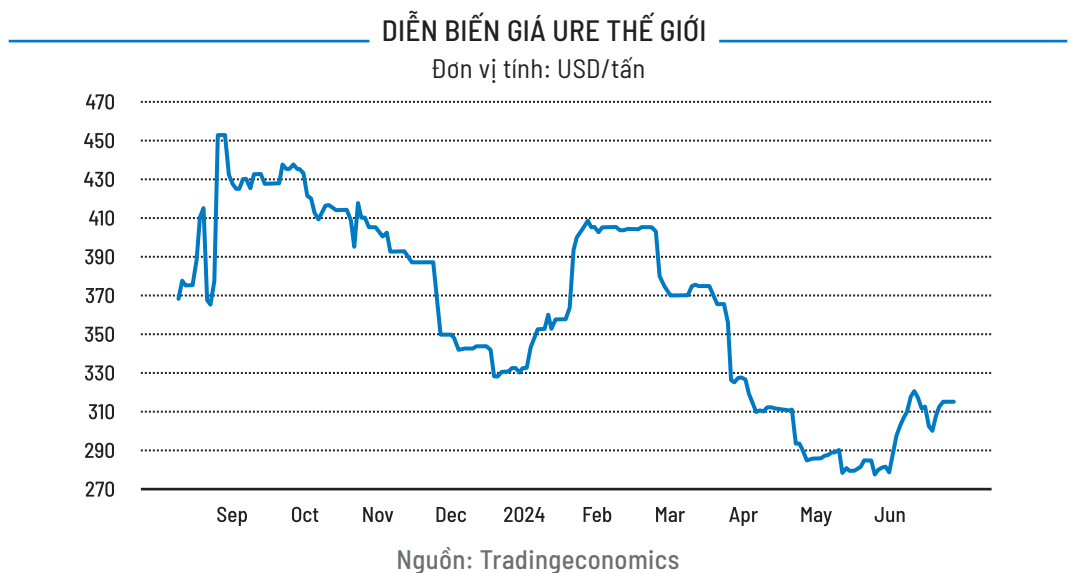
3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục thắt chặt khi Trung Quốc và Nga tiếp tục hạn chế xuất khẩu ure để đảm bảo nguồn cung trong nước.

Tại thị trường Ai Cập, cuộc khủng hoảng phân bón vào đầu tháng 6/2024, với giá phân bón tăng khoảng 54% so với tháng trước lên 20.000 bảng Ai Cập (416,39 USD)/tấn. Nguyên nhân do tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí đốt tự nhiên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các nhà sản xuất phân bón và hóa chất ở Ai Cập, giữa lúc giá phân bón đã bắt đầu tăng mạnh tại nước này.

Ngược lại, nhu cầu ure tiếp tục giảm dần trong tháng qua tại Ấn Độ, một trong những nước tiêu dùng phân bón lớn nhất thế giới, do có Ấn Độ có kế hoạch ngừng nhập khẩu mặt hàng này vào cuối năm 2025, với lý do lo ngại về độ phì nhiêu của đất và sức khỏe con người.

Trong tháng 6, giá phân ure tăng mạnh vào đầu tháng nhưng sau đó đã giảm nhẹ và duy trì đà đi ngang đến cuối tháng, nguyên nhân khiến giá ure giảm là do giá nguyên liệu thô đầu vào sản xuất ure tại nhiều khu vực trên thế giới có xu hướng giảm.



3.1.2. Thị trường trong nước

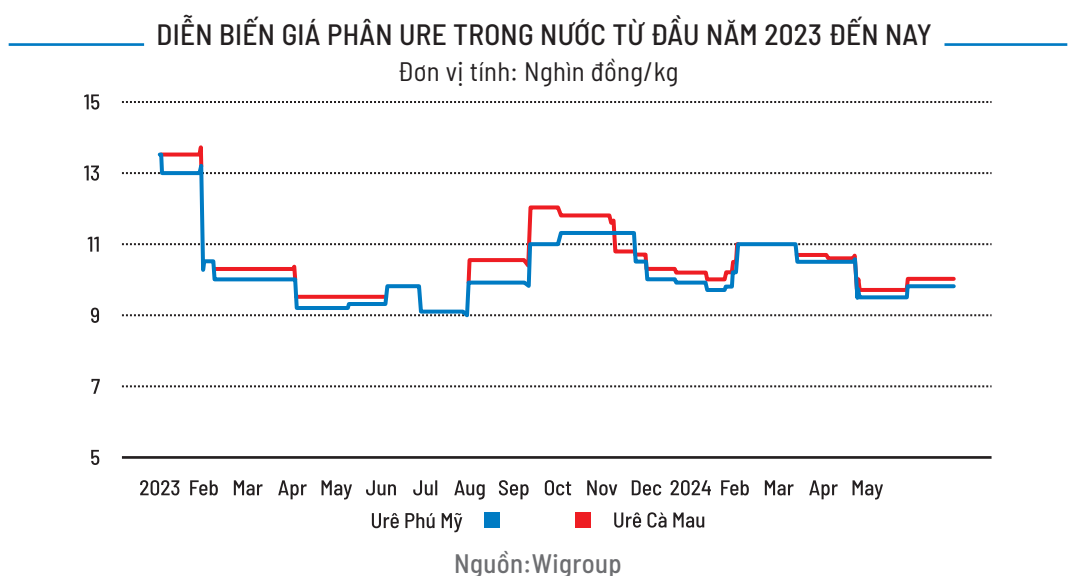
Trong tháng 6, tổng nguồn cung phân bón NPK của Việt Nam ước tính sẽ tăng thêm 20.000 tấn (khoảng 2%) so với tháng 5, đạt mức 999.000 tấn.

Bên cạnh đó, tổng nhu cầu dự kiến đối với phân bón NPK trên cả nước trong tháng 6 sẽ lên tới 435.000 tấn, tăng gấp 3 lần so với mức 145.000 tấn trong tháng 5

vừa qua. Nguyên nhân do tại khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ đang bước vào cao điểm chăm bón trong mùa mưa cho cây công nghiệp nên dự kiến nhu cầu tiêu thụ phân bón tổng hợp NPK tăng cao. Đây cũng là các khu vực có nhu cầu tiêu thụ phân bón NPK cao hàng đầu cả nước nhờ diện tích trồng cà phê và cao su lớn.

Đồng thời, tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và miền Trung, lúa Hè Thu tại các tỉnh sạ muện ven biển đang vào vụ chăm bón phân NPK.

Trái ngược với nhu cầu tăng mạnh của phân bón NPK, hoạt động mua bán phân ure trên thị trường khá trầm lắng, giá phân bón ure giữ đà đi ngang suốt tháng 6.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường phân ure thế giới sẽ sôi động hơn từ nửa sau năm 2024 khi các nhà tiêu thụ lớn gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Brazil và châu Âu đồng loạt quay trở lại đấu thầu để đảm bảo nguồn cung phân bón cho giai đoạn cao điểm gieo hạt vụ Hè -Thu sắp tới. Điều này có thể khiến giá phân bón trong năm 2024 tăng nhẹ so với các năm trước.

3.2.2. Thị trường trong nước

Trong đợt gieo trồng hè thu năm 2024, nhu cầu về phân bón được dự đoán sẽ tăng cao, đặc biệt là các loại phân bón hữu cơ và phân bón lá có thể sẽ được ưa chuộng hơn để tối ưu hóa hiệu quả canh tác và bảo vệ môi trường.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 6, tình trạng thiếu điện nghiêm trọng đã diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới như Ai Cập, Ấn Độ... trong bối cảnh nắng nóng gay gắt kéo dài.

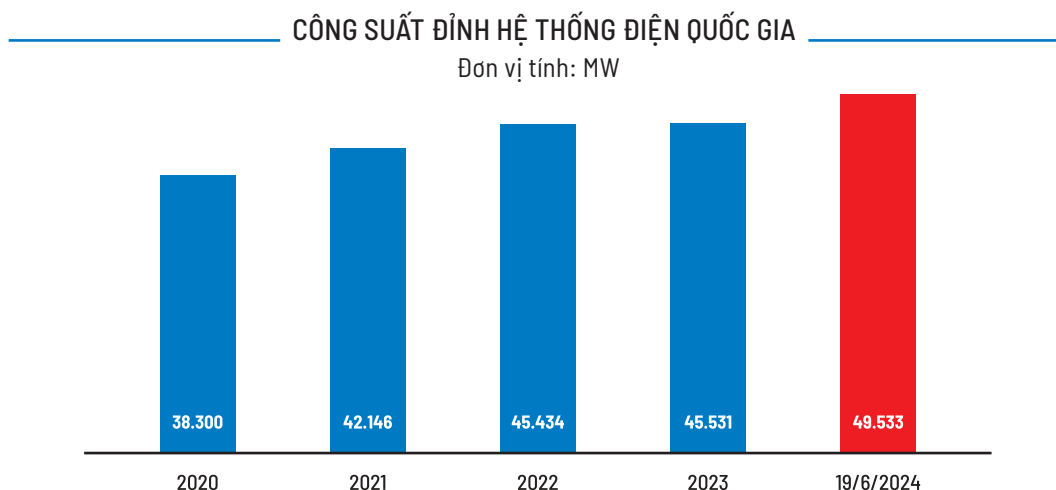
Tại Ai Cập, nắng nóng khắc nghiệt dẫn đến mức tiêu thụ điện tăng vọt và lượng khí đốt cần thiết cho sản xuất năng lượng trong nước tăng mạnh, chính phủ nước này đã công bố thông báo cắt điện thêm 1 giờ mỗi ngày trên toàn quốc vào ngày 23/6 và 24/6 như một phần của chương trình giảm tải điện của quốc gia.

Tương tự như Ai Cập, tại Ấn Độ, sự sụt giảm trong sản xuất thủy điện đã dẫn đến tình trạng thiếu điện lan rộng. Chính quyền nước này hiện đang áp dụng biện pháp cắt giảm điện luân phiên giữa các khu vực nhằm giảm tải điện và duy trì hoạt động ổn định của hệ thống điện quốc gia. Biện pháp này nhằm đảm bảo rằng mọi người và doanh nghiệp có thể tiếp cận được nguồn điện trong bối cảnh nhu cầu năng lượng tăng cao và tình trạng nắng nóng gay gắt.

Trong khi đó, tại khu vực châu Âu, thời tiết mát mẻ và sản lượng điện gió, điện mặt trời dồi dào đã giúp ổn định thị trường điện trong tháng qua.

4.1.2. Thị trường trong nước

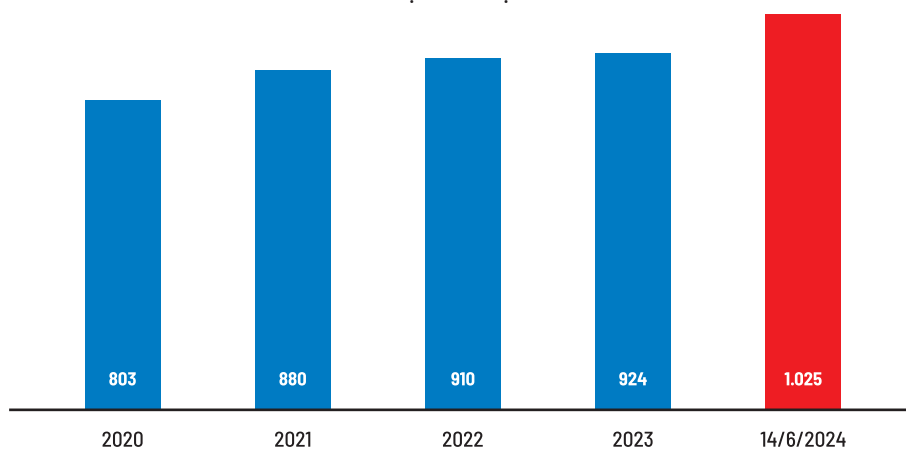
Trong tháng 6, thời tiết nắng nóng gay gắt diễn ra ở cả 3 miền đã làm lượng điện tiêu thụ tăng cao kỷ lục. Cụ thể, vào ngày 19/6/2024, với công suất đỉnh của hệ thống điện toàn quốc đã lên tới mức kỷ lục cao nhất từ trước đến nay, đạt 49533 MW và tiêu thụ điện toàn quốc lập kỷ lục mới vào ngày 14/6/2024 khi đã lên tới 1,025 tỷ kWh.



Nguồn: Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia

SẢN LƯỢNG ĐIỆN NGÀY LỚN NHẤT TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: triệu kWh



Nguồn: Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia

Trong tháng qua, tình hình thủy văn thuận lợi, sản lượng thủy điện huy động cao hơn 2,454 tỷ kWh, lũy kế 6 tháng đầu năm tổng lượng điện từ thủy điện huy động đạt 28,62 tỷ kWh (chiếm khoảng 18,86% tổng sản lượng 6 tháng đầu năm), cao hơn 658 tr.kWh so với kế hoạch.

Ngoài ra, nhu cầu tiêu thụ điện trong nước tăng mạnh trong tháng 6 đã khiến giá điện sinh hoạt tăng 0,67% so với tháng trước.

Về nguồn điện trong 6 tháng đầu năm 2024: Các nguồn nhiệt điện than huy động cao hơn 556 triệu kWh, đạt 86,4 tỷ kWh (chiếm khoảng 56,96% tổng sản lượng 6 tháng đầu năm); Nhiệt điện dầu huy động cao hơn 88 triệu kWh so với kế hoạch để đáp ứng nhu cầu phụ tải; Các nguồn nhiệt điện khí huy động tương đương so với kế hoạch, đạt 13,08 tỷ kWh. Các nguồn năng lượng tái tạo được huy động đạt 20,67 tỷ kWh (chiếm khoảng 13,63% tổng sản lượng 6 tháng đầu năm), trong đó nguồn năng lượng gió đạt 6,123 tỷ kWh, điện mặt trời đạt 13,88 tỷ kWh.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 6, tổ chức Bernreuter Research dự báo giá cả các loại mô-đun và thiết bị điện năng lượng mặt trời đang thấp sẽ đẩy nhu cầu đối với sản phẩm này lên cao trong nửa cuối năm nay. Theo đó, Bernreuter Research dự báo tổng công suất lắp đặt điện mặt trời trên toàn cầu sẽ tăng thêm từ 600-660GW trong năm 2024. Ngoài ra, với tỷ trọng lên tới hơn 50% thị phần thiết bị điện mặt trời toàn cầu, Trung Quốc được dự báo tiếp tục là quốc gia đi đầu trong phát triển các dự án điện mặt trời trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, ngày 17/6, Viện phân tích tài chính và kinh tế năng lượng (IEEFA) cho biết trên 800 nhà máy điện đốt than ở các nước kinh tế mới nổi có thể ngừng hoạt động và được thay thế bằng năng lượng mặt trời sạch hơn bắt đầu từ cuối thập kỷ này. 800 nhà máy chuyển đổi khả thi được IEEFA xác định bao gồm khoảng 600 nhà máy được xây dựng cách đây 30 năm trở lên, nhiều cơ sở trong số đó đã trả được nợ. IEEFA dự báo mặc dù chỉ 10% số nhà máy điện than hiện hữu dự kiến đóng cửa vào năm 2030, nhưng nhiều nhà máy khác cũng có thể đóng cửa nếu nỗ lực xác định các định hướng khác.

4.2.2. Thị trường trong nước

Sản lượng điện tiêu thụ trong nước dự báo sẽ tăng tới 15% trong năm 2024. Trong đó, sản lượng điện sinh hoạt được dự báo sẽ tăng trên 18%, công nghiệp - sản xuất hơn 12%, thương mại - dịch vụ là 18%.

Ngoài ra, dự báo năm 2024, tổng điện năng sản xuất của các nhà máy điện (tại đầu cực máy phát) và nhập khẩu của toàn quốc năm 2024 là 306,259 tỷ kWh. Trong đó, các nguồn điện than, thủy điện và nguồn điện tuabin khí vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia năm 2024. Các nguồn năng lượng tái tạo sẽ tiếp tục được huy động theo nhu cầu phụ tải điện và khả năng hấp thụ của lưới điện.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 6/2024 với nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo đang tạo ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như PVN. Điều này đòi hỏi PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới, qua đó có thể tìm ra những hướng phát triển hiệu quả, khác biệt. Trong đó, chú trọng cập nhật định hướng và lộ trình chuyển dịch năng lượng và cắt giảm khí nhà kính của Tập đoàn đến các đối tác nhằm gia tăng cơ hội hợp tác trong các dự án cụ thể mà các bên quan tâm, đặc biệt trong lĩnh vực hóa dầu và sản xuất nhiên liệu bền vững.*
- *Chủ động triển khai xây dựng phương án tài chính với các nguồn vay đa dạng, tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn huy động, tối đa hóa khối lượng vốn vay ECA với lãi suất thấp, thời hạn vay dài, kết hợp các phương án vay thường mại trong và ngoài nước nhằm tối ưu hoá hiệu quả tài chính, gia tăng cơ hội đầu tư.*
- *Tiếp tục nâng cao hiệu quả truyền thông cả trong nội bộ và bên ngoài Tập đoàn, tận dụng tối đa ưu thế của truyền thông trực tuyến để quảng bá thương hiệu và cung cấp thông tin kịp thời đến khách hàng, đối tác.*
- *Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, tiếp cận các công nghệ mới trong chuỗi sản xuất, ưu tiên áp dụng các giải pháp thay thế theo hướng chuyển đổi năng lượng trong sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt là các công nghệ vận chuyển, lưu trữ và sử dụng hydrogen để sẵn sàng tham gia sản xuất, kinh doanh hydrogen khi thị trường có đủ điều kiện.*
- *Tập trung nguồn lực triển khai các dự án trọng điểm, giải quyết các vấn đề vướng mắc, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả theo kế hoạch được phê duyệt của các dự án/chuỗi dự án có tác động lớn đến hoạt động đầu tư của Tập đoàn: Chuỗi dự án Lô B, Chuỗi dự án LNG Thị Vải, Chuỗi dự án khí Cá Voi Xanh...*
- *Nâng cao hiệu quả liên kết chuỗi trong toàn Tập đoàn, cải tiến quá trình vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy, đảm bảo khai thác sản xuất ổn định và đạt các kế hoạch mà Tập đoàn đã đề ra.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2024

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 6 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 6 năm 2024	6 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a				106,42	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		100,7	110,9		
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	15.700	119.600	119,1	113,1		105,3
3.2	Quay lại hoạt động	DN	7.500		111,6	106,1		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		110.300				118,4
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.418		102,2	106,2		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.404		118,8	94		
	- Hoàn tất giải thể	DN	2.228		144,9	150,3		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ		1.451,3				106,8
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ						
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		15,19				113,1
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		10,84				108,2
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	522,5	3.098,7	101,1	109,1		108,6
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	33,09	190,08	102,6	110,5		114,5
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	30,15	178,45	92,1	113,1		117
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,94	Xuất siêu 11,63				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,17	104,34	104,08	101,40
7.2	Chỉ số giá vàng				97,36	129,51	124,02	118,26
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				99,96	107,66	105,64	104,17
7.4	Lạm phát cơ bản				100,18	102,61	102,75	

A: Tháng 6/2024 so với tháng 5/2024

B: Tháng 6/2024 so với tháng 6/2023

C: 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 6/2024 so với tháng 12/2023



Ảnh bìa: Chỉ số IIP tháng 6/2024 ước tính tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 13,7%.

[PVPOWER.VN](https://www.pvpower.vn)



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện